

NGÂN HÀNG SINOPAC
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BANK SINOPAC - HO CHI MINH CITY BRANCH
(“Bên Bao Thanh Toán”)
(“Factor”)

[Tên Khách Hàng]
[Client Name]
(“Bên Bán Hàng”)
(“Seller”)

HỢP ĐỒNG BAO THANH TOÁN BÊN BÁN
HÀNG CÓ CAM KẾT HOÀN TRẢ
FULL RECOURSE SELLER FACTORING
AGREEMENT

Số/No.: _____

HỢP ĐỒNG BAO THANH TOÁN BÊN BÁN HÀNG CÓ CAM KẾT HOÀN TRẢ NÀY (“Hợp Đồng”) được lập ngày _____ tháng _____ năm _____ (“**Ngày Hiệu Lực**”) bởi và giữa:

THIS FULL RECOURSE SELLER FACTORING AGREEMENT (“Agreement”) is made on _____ (“**Effective Date**”) by and between:

- (1) **NGÂN HÀNG SINOPAC – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**, một chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp phép và hoạt động hợp lệ theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, theo Giấy Phép Thành Lập Chi Nhánh Ngân Hàng Nước Ngoài do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày _____ và các giấy phép điều chỉnh sau này (nếu có); có văn phòng tại Tầng 9, Tòa nhà Friendship Tower, Số 31 đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (“**Bên Bao Thanh Toán**”).

BANK SINOPAC – HO CHI MINH CITY BRANCH, a foreign bank branch duly licensed and operating under the laws of the Socialist Republic of Vietnam, under License for Establishment of a Foreign Bank Branch issued by the State Bank of Vietnam on _____ and subsequent amendment (if any); having office located at 9th Floor, Friendship Tower, 31 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam (the “**Factor**”).

VÀ/AND

- (2) [**Tên Khách Hàng**], một công ty được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp Việt Nam, có mã số doanh nghiệp số: _____, có trụ sở tại _____ (“**Bên Bán Hàng**”).

[**Client Name**], a company duly established and existing under the laws of Vietnam with business registration No. _____, having its head office located at _____ (the “**Seller**”).

(Trong Hợp Đồng này, mỗi Bên Bao Thanh Toán và Bên Bán Hàng được gọi riêng là một “**Bên**” và cùng với Bên còn lại được gọi chung là “**Các Bên**”).

(In this Agreement, each of the Factor and the Seller is individually referred to as a “**Party**” and together with the other Party, collectively as the “**Parties**”).

XÉT RÀNG:

WHEREAS:

- (A) Bên Bao Thanh Toán (dưới tư cách là bên cấp tín dụng) và Bên Bán Hàng (dưới tư cách là bên vay) đã ký kết Hợp Đồng Tín Dụng (như định nghĩa dưới đây), theo đó, Bên Bao Thanh Toán sẽ cung cấp một hạn mức bao thanh toán cho Bên Bán Hàng theo các điều khoản cụ thể sẽ được ký kết giữa Bên Bao Thanh Toán và Bên Bán Hàng;

The Factor (as lender) and the Seller (as borrower) have entered into the Credit Agreement (as defined below) pursuant to which the Factor will make available to the Seller a factoring limit on terms and subject to conditions to be entered into by the Factor and the Seller;

- (B) (Các) Bên Mua Hàng và Bên Bán Hàng dự kiến và/hoặc đã tham gia ký kết Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán (như định nghĩa dưới đây), theo đó (Các) Bên Mua Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Bán Hàng và Bên Bán Hàng có quyền thu từ (Các) Bên Mua Hàng các Khoản Phải Thu (như định nghĩa dưới đây);

The Buyer(s) and the Seller propose to and/or have entered into Factored Agreement(s) (as defined below), pursuant to which the Buyer(s) is obligated to make payments to the Seller, and the Seller has the right to collect the Receivables (as defined below) from the Buyer(s);

- (C) Bên Bán Hàng mong muốn xin cấp và Bên Bao Thanh Toán mong muốn cấp một hạn mức bao thanh toán thông qua việc Bên Bao Thanh Toán mua lại tất cả các Khoản Phải Thu của Bên Bán Hàng;

The Seller wishes to procure and the Factor wishes to make available a factoring limit by purchasing all the Seller's Receivables;

- (D) Bên Bao Thanh Toán đồng ý cung cấp Hạn Mức Bao Thanh Toán (như định nghĩa dưới đây) cho Bên Bán Hàng và Bên Bán Hàng đồng ý nhận Hạn Mức Bao Thanh Toán theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

The Factor agrees to make available the Factoring Limit (as defined below) to the Seller and the Seller agrees to accept the Factoring Limit according to the terms and conditions of this Agreement.

VÌ VẬY, Các Bên thỏa thuận như sau:

THEREFORE, the Parties agree as follows:

1. ĐỊNH NGHĨA

DEFINITIONS

Tại Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác:

In this Agreement, unless the context requires otherwise:

“Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể” có nghĩa là các sự kiện hoặc tình huống xảy ra mà có thể có khả năng, một cách hợp lý, gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến (i) việc kinh doanh, hoạt động, tài sản, các điều kiện (điều kiện tài chính hoặc điều kiện khác) hoặc triển vọng kinh doanh của một chủ thể (ii) khả năng của một chủ thể để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo bất kỳ Tài Liệu Bao Thanh Toán nào, hoặc (iii) hiệu lực hoặc khả năng thực thi của Hợp Đồng này hay bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào hoặc các quyền hoặc biện pháp khắc phục của Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này hay bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào.

“Material Adverse Effect” means any event or circumstance occurring, which may, in a reasonable manner, cause a material adverse effect on (i) the business, operations, property, conditions (financial conditions and other conditions) or business prospects of a person; (ii) the ability of a person to perform its obligations under any Factoring Documents; or (iii) the validity or enforceability of this Agreement or any Security Agreement or the rights and remedies of the Factor under this Agreement or any Security Agreement;

“Bao Thanh Toán” có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.

“Factoring” has the same meaning as defined in Article 2.1 of this Agreement.

“Bên Bán Hàng” có nghĩa là bên bán hàng hóa và/hoặc cung ứng dịch vụ và có quyền lợi hợp pháp đối với các Khoản Phải Thu theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán.

“Seller” means the person who sells goods and/or supplies services and having lawful rights and interests over the Receivables pursuant to the provisions of the Factored Agreement(s).

“Bên Có Nghĩa Vụ” có nghĩa là Bên Bán Hàng, (Các) Bên Mua Hàng, bên thế chấp theo Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu có), hoặc bất kỳ bên nào có nghĩa vụ với Bên Bao Thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng này và/hoặc Tài Liệu Bao Thanh Toán khác.

“Obligor” means the Seller, the Buyer(s), any mortgagor under the Security Agreement (if any), or any party obligated to the Factor arising from this Agreement and/or other Factoring Documents.

“(Các) Bên Mua Hàng” có nghĩa là tất cả các bên mua hàng hóa và/hoặc dịch vụ từ Bên Bán Hàng và có nghĩa vụ thanh toán Khoản Phải Thu cho Bên Bán Hàng theo các điều khoản của Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và có thông tin được liệt kê tại Thư Chấp Thuận.

“Buyer(s)” means the all the person(s) who purchase goods and/or engage services from the Seller and are obligated to pay the Receivables to the Seller pursuant to the provisions of the Factored Agreement(s) and whose particulars have been specified in the Consent Letter.

“Các Điều Kiện Giải Ngân” có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 3.2 của Hợp Đồng này.

“Disbursement Conditions” has the meaning as defined in Clause 3.2 of this Agreement.

“**Chứng Từ Thanh Toán Khoản Phải Thu**” có nghĩa là các chứng từ liên quan đến việc yêu cầu thanh toán Khoản Phải Thu của Bên Bán Hàng đối với (Các) Bên Mua Hàng, các giấy tờ liên quan đến việc giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, và các giấy tờ liên quan khác theo quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán bao gồm nhưng không giới hạn các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu mua hàng, phiếu yêu cầu thanh toán, giấy xác nhận công nợ, biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu và bảng kê các giấy tờ này.

*“**Receivables Payment Documents**” means the documents related to the Seller’s request to the Buyer(s) for payment of the Receivables, documents related to the delivery of goods, provision of services, and other related documents as stipulated in the Factored Agreement(s), including but not limited to value-added tax invoices, purchase orders, payment requests, debt confirmation letters, delivery notes, acceptance minutes, and lists of these documents.*

“**Cơ Quan Nhà Nước**” nghĩa là bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, ban ngành nhà nước, đại diện chính phủ, ủy ban, ban, tòa án nào, hoặc bất kỳ cơ quan nào khác ở Việt Nam có chức năng ban hành và/hoặc thực thi Luật Áp Dụng.

*“**Governmental Authority**” means any statutory authority, government department, agency, commission, board, tribunal, court, or other entity in Vietnam with the function of issuing and/or executing the Applicable Law.*

“**Đồng Tiền Tùy Chọn**” có nghĩa là bất kỳ loại tiền tệ nào ngoài VND.

*“**Optional Currency**” means any currency other than VND.*

“**Hạn Mức Bao Thanh Toán**” có định nghĩa như được quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.

*“**Factoring Limit**” has the meaning as defined in Clause 2.1 of this Agreement.*

“**(Các) Hợp Đồng Bảo Đảm**” có định nghĩa như được quy định tại Điều 6.2 của Hợp Đồng này.

*“**Security Agreement(s)**” has the meaning as defined in Clause 6.2 of this Agreement.*

“**Hợp Đồng Tín Dụng**” có nghĩa là hợp đồng cấp tín dụng số [***] ngày [***] giữa Bên Bán Hàng (với tư cách là bên vay), và Bên Bao Thanh Toán (với tư cách là bên cấp tín dụng), bao gồm các tài liệu, hợp đồng liên quan khác như được dự tính tại hợp đồng cấp tín dụng này.

*“**Credit Agreement**” mean credit agreement(s) no. [***] dated [***] between the Seller (as borrower) and Factor (as lender), including other documents and agreements as contemplated under the credit agreement.*

“**Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán**” có nghĩa là toàn bộ các hợp đồng, thỏa thuận có hiệu lực vào hoặc sau Ngày Hiệu Lực, giữa Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng về việc mua bán hàng hóa và/hoặc cung cấp dịch vụ.

*“**Factored Agreement(s)**” means all contracts or agreements which are effective on or after the Effective Date, between the Seller and the Buyer(s) for the sale of goods and/or provision of services.*

“**Khoản Phải Thu**” có nghĩa tất cả các khoản tiền Bên Bán Hàng có thể nhận được từ (Các) Bên Mua Hàng theo các điều khoản của Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và được chuyển nhượng cho Bên Bao Thanh Toán theo các điều khoản của Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán khác.

*“**Receivables**” means all the sums that are collectible from the Buyer(s) by the Seller pursuant to the terms of the Factored Agreements and are assigned to the Factor pursuant to the provisions of this Agreement and other Factoring Documents.*

“**Khoản Tiền Bao Thanh Toán**” có nghĩa là số tiền được quy định tại từng Yêu Cầu Bao Thanh Toán và được Bên Bao Thanh Toán giải ngân cho Bên Bán Hàng theo quy định tại Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán.

*“**Factoring Amount**” means the amount prescribed in each Factoring Request and disbursed by the Factor to the Seller as stipulated in this Agreement and the Factoring Documents.*

“**Luật Áp Dụng**” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật ban hành bởi Cơ Quan Nhà Nước, có hiệu lực tại từng thời điểm, bao gồm, nhưng không giới hạn, các luật, nghị định, sắc lệnh, thông tư, công văn, quyết định và các thông báo và quyết định khác tại nơi có quyền tài phán với một bên liên quan.

*“**Applicable Law**” means all legislative documents issued by the Governmental Authority, in force from time to time including, but not limited to, laws, decrees, ordinances, circulars, official letters, decisions and other notices and decisions within the jurisdiction of a relevant party.*

“**Luật Đầu Tư**” có nghĩa là Luật số No. 61/2020/QH14 về đầu tư được Quốc Hội thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020 bao gồm tất cả các sửa đổi và luật thay thế, nếu được áp dụng.

*“**Law on Investment**” means Law No. 61/2020/QH14 on investment passed by the National Assembly on 17 June 2020 including any amendments thereto and replacement thereof, where applicable.*

“**Ngày Giải Ngân**” có nghĩa là bất kỳ Ngày Làm Việc nào mà vào thời điểm đó Bên Bao Thanh Toán giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán cho Bên Bán Hàng.

*“**Disbursement Date**” means any Business Day on which a Factoring Amount is made available by the Factor to the Seller.*

“**Ngày Hoàn Trả**” có nghĩa là ngày Khoản Tiền Bao Thanh Toán đã được hoàn trả đầy đủ cho Bên Bao Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán.

*“**Repayment Date**” means the date on which the Factoring Amount has been fully repaid to the Factor in accordance with this Agreement and the Factoring Documents;*

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào (không phải thứ bảy hoặc chủ nhật hoặc các ngày được nghỉ bù hoặc các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam), mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa giao dịch tại Việt Nam.

*“**Business Day**” means any day (excluding Saturdays, Sundays, substitute holidays, or public holidays as prescribed by Vietnamese laws) on which banks are open for business in Vietnam.*

“**Nợ Bao Thanh Toán**” có nghĩa là dư nợ của Khoản Tiền Bao Thanh Toán đã được giải ngân theo yêu cầu của Bên Bán Hàng tại Yêu Cầu Bao Thanh Toán và chưa được hoàn trả cho hoặc thu hồi bởi Bên Bao Thanh Toán, theo quy định tại Hợp Đồng này.

*“**Factoring Debt**” means any and all amount in the principal of a Factoring Amount disbursed at the Seller’s request under the Factoring Request, which has not been repaid to or recovered by the Factor, as stipulated in this Agreement.*

“**Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn**” bao gồm:

*“**Overdue Factoring Debt**” includes:*

- (i) Nợ Bao Thanh Toán chưa trả bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5.4; và
any Factoring Debt which has been converted into overdue debt as prescribed in Clause 5.4; and
- (ii) bất kỳ một khoản tiền trong Khoản Phải Thu mà Bên Bao Thanh Toán không thể thu hồi theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp Đồng này.
any amount in the Receivables which the Factor has failed to recover pursuant to the provision Clause 5.1 this Agreement.
- (iii) bất kỳ khoản tiền nào trong Nợ Bao Thanh Toán chưa được Bên Bán Hàng thanh toán cho Bên Bao Thanh Toán khi chấm dứt Bao Thanh Toán trước hạn khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều 9.2 của Hợp Đồng này.
any unpaid amount in the Factoring Debt by the Seller to the Factor upon the termination of the Factoring due to the occurrence of an Event of Default pursuant to the provisions of Điều 9.2 of this Agreement.

“**Phí Bao Thanh Toán**” có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 4.1 của Hợp Đồng này.

“**Factoring Fees**” has the meaning as given to that term in Clause 4.1 of this Agreement.

“**Tài Khoản Thanh Toán**” có nghĩa là tài khoản thanh toán của Bên Bán Hàng mở tại Bên Bao Thanh Toán vì mục đích của Hợp Đồng này.

“**Collection Account**” means the current account of the Seller held at the Factor for the purposes of this Agreement.

“**Tài Liệu Bao Thanh Toán**” có nghĩa là:

“**Factoring Documents**” means:

- (i) Hợp Đồng này;
This Agreement;
- (ii) (Các) Yêu Cầu Bao Thanh Toán và các Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán;
Factoring Request(s) and Factoring Request Documents;
- (iii) (Các) Thông Báo Bao Thanh Toán;
Factoring Notice(s);
- (iv) Thư Chấp Thuận;
Consent Letter;
- (v) (Các) Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu có áp dụng); và
Security Agreement(s) (if applicable); and
- (vi) các tài liệu liên quan khác mà Các Bên dự định là một Tài Liệu Bao Thanh Toán.
Any other documents that the Parties intend to be Factoring Documents.

“**Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán**” có định nghĩa như được quy định tại Điều 3.2(a) của Hợp Đồng này.

“**Factoring Request Documents**” has the meaning as given to it in Clause 3.2(a) of this Agreement.

“**Thông Báo Bao Thanh Toán**” có nghĩa là thông báo bằng văn bản được phát hành bởi Bên Bán Hàng cho từng Bên Mua Hàng về việc, ngoài các nội dung khác, ký kết Hợp Đồng này giữa Bên Bao Thanh Toán và Bên Bán Hàng, và việc Bên Bán Hàng đã đồng ý chuyển giao quyền và lợi ích, và quyền truy đòi đối với Khoản Phải Thu cho Bên Bao Thanh Toán, có nội dung chủ yếu theo mẫu quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng, hoặc theo cách thức ghi nhận vào bất kỳ Chứng Từ Thanh Toán Khoản Phải Thu có thể được Bên Bao Thanh Toán chấp nhận, hoặc theo mẫu được Bên Bao Thanh Toán ban hành tùy từng thời điểm.

“**Factoring Notice**” means a written notice issued by the Seller to each Buyer regarding, among others, the entry into this Agreement by the Factor and the Seller, and the Seller’s assignment of its rights and interests and recourse relating to the Receivables to the Factor having terms substantially in the form provided in Appendix II of this Agreement, or in the form of any Receivables Payment Document(s) reflecting similar terms acceptable to the Factor, or a form issued by the Factor from time to time.

“**Thời Hạn**” có nghĩa là khoảng thời gian từ Ngày Hiệu Lực đến khi Hợp Đồng này chấm dứt hiệu lực.

“**Term**” means the period from the Effective Date until the termination of this Agreement.

“**Thời Hạn Bao Thanh Toán**” có nghĩa là khoảng thời gian còn lại của Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu (nếu áp dụng) và Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán.

“**Factoring Term**” means the remaining period of the Receivables Payment Term (if applicable) and the Factoring Debt Repayment Term.

“**Thời Hạn Hạn Mức**” có định nghĩa như được quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.

“Limit Expiry Date” has the meaning as given to it in Clause 2.1 of this Agreement.

“**Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu**” có nghĩa là, đối với Khoản Phải Thu theo từng Yêu Cầu Bao Thanh Toán, thời hạn (Các) Bên Mua Hàng phải thanh toán Khoản Phải Thu đó cho Bên Bán Hàng theo Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán.

“Receivables Payment Term” means, with respect to the Receivables as specified in each Factoring Request, the period during which the Buyer(s) must pay the Receivables to the Seller as stipulated in the Factored Agreement(s).

“**Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán**” có nghĩa là, đối với từng Khoản Tiền Bao Thanh Toán, khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày kết thúc Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu (áp dụng với Khoản Phải Thu tương ứng) đến Ngày Hoàn Trả đối với Khoản Tiền Bao Thanh Toán này, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận về việc Bên Bán Hàng có thể hoàn trả Nợ Bao Thanh Toán trước ngày kết thúc Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu.

“Factoring Debt Repayment Term” means, with respect to each Factoring Amount, the period from the day following the expiry of the Receivables Payment Term (as applicable to the respective Receivables) to the Repayment Date applicable to such Factoring Amount, except where the Parties have agreed on the Seller’s repayment of the Factoring Debt prior to the expiry of the Receivables Payment Term.

“**Thư Chấp Thuận**” có nghĩa là thư do Bên Bao Thanh Toán phát hành cho Bên Bán và được Bên Bán xác nhận, đưa ra thông tin về (Các) Bên Bán Hàng và các điều khoản thương mại áp dụng cho từng Bên Mua Hàng vì mục đích của Hợp Đồng này, có thể được sửa đổi, gia hạn, thay đổi hoặc bổ sung, và thư này có nội dung tương tự như được quy định tại Phụ lục III của Hợp Đồng này hoặc theo mẫu do Bên Bao Thanh Toán phát hành theo từng thời điểm.

“Consent Letter” means the letter issued by the Factor to the Seller, providing for the particulars of the Buyers and commercial terms applicable to each Buyer for the purpose of this Agreement, which may be amended, extended, varied, or supplemented by the Factor from time to time, having terms substantially in the form provided in Appendix III of this Agreement or any form to be issued by the Factor from time to time.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa là bất kỳ và toàn bộ các sự kiện hoặc tình huống phát sinh được quy định tại Điều 9.1 của Hợp Đồng này.

“Event of Default” means any and all events or circumstances arising as prescribed in Clause 9.1 of this Agreement.

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

“Vietnam” means the Socialist Republic of Vietnam.

“**VND**” có nghĩa là loại tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“VND” means the lawful currency of Vietnam.

“**Yêu Cầu Bao Thanh Toán**” có nghĩa là yêu cầu của Bên Bán Hàng, có nội dung chủ yếu theo mẫu tại Phụ Lục I của Hợp Đồng, hoặc được Bên Bao Thanh Toán phát hành tùy từng thời điểm, gửi cho Bên Bao Thanh Toán để giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán và được Bên Bao Thanh Toán xác nhận.

“Factoring Request” means the Seller’s request having terms substantially in the form prescribed in Appendix I of this Agreement or issued by the Factor from time to time, delivered to the Factor to disburse the Factoring Amount under this Agreement and the Factoring Documents, and acknowledged by the Factor.

2. BAO THANH TOÁN

FACTORING

2.1. Bao Thanh Toán

Factoring

Trong Thời Hạn của Hợp Đồng, tùy theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này, Bên Bao Thanh Toán đồng ý cấp cho Bên Bán Hàng và Bên Bán Hàng đồng ý chấp nhận sử dụng dịch vụ bao thanh toán với các thông tin như sau (“**Bao Thanh Toán**”) tùy thuộc vào các điều khoản áp dụng với từng Bên Mua Hàng được quy định tại Thư Chấp Thuận:

*During the Term of this Agreement, subject to the terms and conditions herein, the Factor agrees to provide the Seller, and the Seller agrees to use, the factoring service with the following details (“**Factoring**”) subject to any terms applicable to each Buyer as provided in the Consent Letter:*

- (i) Số tiền bao thanh toán tối đa: [***] VNĐ (Bằng chữ: [***]) (“**Hạn Mức Bao Thanh Toán**”);
Factoring amount limit: VND [***] (In words: [***]) (“**Factoring Limit**”);

- (ii) Đồng tiền sử dụng liên quan đến Bao Thanh Toán: Đồng Việt Nam.
Applicable currency in relation to the Factoring: Vietnam Dong.

- (iii) Thay đổi Hạn Mức Bao Thanh Toán: Bên Bao Thanh Toán có quyền, tại bất cứ thời điểm trong Thời Hạn của Hợp Đồng này, xem xét lại và thay đổi Hạn Mức Bao Thanh Toán bằng cách gửi thông báo cho Bên Bán Hàng. Việc thay đổi Hạn Mức Bao Thanh Toán này sẽ có hiệu lực khi Bên Bán Hàng nhận được thông báo thay đổi Hạn Mức Bao Thanh Toán theo quy định về Thông Báo tại Điều 19(b) của Hợp Đồng này với điều kiện là Hạn Mức Bao Thanh Toán không vượt quá giá trị tổng các Khoản Phải Thu quy định tại Điều 2.1(vii);

Adjustment to the Factoring Limit: The Factor has the right, at any time during the Term of this Agreement, to review and adjust the Factoring Limit by giving notice to the Seller. Such adjustment shall become effective upon the Seller's receipt of the notice of the adjustment to the Factoring Limit under the Notification provisions pursuant to the provisions of Clause 19(b) of this Agreement, provided that the Factoring Limit does not exceed the total value of the Receivables stipulated in Clause 2.1(vi);

- (iv) Mục đích sử dụng Khoản Tiền Bao Thanh Toán: [***]
Purpose of using the Factoring Amount: [***]

- (v) Phương thức bao thanh toán: Bao thanh toán theo hạn mức.
Factoring method: Factoring under limit.

- (vi) Thời hạn duy trì Hạn Mức Bao Thanh Toán: [***] (“**Thời Hạn Hạn Mức**”)
Availability period of the Factoring Limit: [***] (“**Limit Expiry Date**”)

- (vii) Giá trị tối đa của Khoản Phải Thu: [***]
Maximum value of the Receivables: [***]

3. GIẢI NGÂN KHOẢN TIỀN BAO THANH TOÁN

DISBURSEMENT OF FACTORING AMOUNT

3.1. Giải Ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán

Disbursement of Factoring Amount

Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ được giải ngân cho Bên Bán Hàng bằng một hay nhiều lần theo yêu cầu của Bên Bán Hàng được thể hiện tại mỗi Yêu Cầu Bao Thanh Toán, với điều kiện là Bên Bán Hàng đã đáp ứng Các Điều Kiện Tiên Quyết.

The Factoring Amount shall be disbursed to the Seller in one or multiple tranches as requested by the Seller through each Factoring Request, provided that the Seller has fulfilled the Condition Precedent.

3.2. Các Điều Kiện Giải Ngân ***Disbursement Conditions***

Bất kỳ Khoản Tiền Bao Thanh Toán nào theo quy định tại Hợp Đồng này sẽ được Bên Bao Thanh Toán giải ngân cho Bên Bán Hàng khi và chỉ khi Bên Bán Hàng hoàn thành các điều kiện tiên quyết sau đây ("**Các Điều Kiện Tiên Quyết**"), theo nội dung và/hoặc hình thức đáp ứng yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán, trừ trường hợp được miễn trừ bởi Bên Bao Thanh Toán:

*Any Factoring Amount under this Agreement shall be disbursed to the Seller by the Factor if and only if the Seller has fulfilled the following conditions precedent ("**Condition Precedent**"), in substance and/or manner satisfactory to the Factor, unless otherwise waived by the Factor:*

- (a) chậm nhất là [10 giờ sáng của ngày rơi vào hai (02) Ngày Làm Việc] trước Ngày Giải Ngân dự kiến, Bên Bao Thanh Toán đã nhận được các tài liệu sau đây theo mẫu do Bên Bao Thanh Toán ban hành theo từng thời điểm và được các bên liên quan điền đầy đủ thông tin và ký hợp lệ:

no later than [10:00 a.m. of the date being two (02) Business Days] prior to the proposed Disbursement Date, the Factor will have received the following documents, in the form issued by the Factor from time to time and duly completed and executed by the relevant parties:

- (i) Bản gốc Yêu Cầu Bao Thanh Toán;

An original of the Factoring Request;

- (ii) Tài liệu chứng minh (Các) Bên Mua Hàng đã nhận được Thông Báo Bao Thanh Toán (trừ trường hợp Bên Bao Thanh Toán, tùy vào quyết định của mình, sẽ trực tiếp gửi Thông Báo Bao Thanh Toán cho (Các) Bên Mua Hàng), theo yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán;

Evidence that the Buyer(s) have received the Factoring Notice (except where the Factor, at its sole discretion, will dispatch such Factoring Notice to the Buyer(s)), being satisfactory to the Factor;

- (iii) Bản sao chứng thực Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và Chứng Từ Thanh Toán Khoản Phải Thu;

Certified copies of the Factored Agreement and the Receivables Payment Documents;

- (iv) Bản gốc phương án sử dụng vốn vay của Bên Bán Hàng và các tài liệu, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay;

An original of the Seller's loan utilisation plan and all documents proving the Seller's loan utilisation plan;

- (v) Bản sao [chứng thực] các tài liệu chứng minh Khoản Phải Thu được bảo đảm thanh toán hoặc bảo hiểm bởi bên thứ ba theo quy định của Luật Áp Dụng, hoặc được bảo đảm bằng tiền gửi của Bên Bán Hàng và/hoặc bên thứ ba tại một tài khoản mở tại Bên Bao Thanh Toán (trong trường hợp Bên Bán Hàng là người không cư trú);

A [certified] copy of documents evidencing that the payment of the Receivables has been guaranteed or insured by a third party as required under Applicable Law, or secured by the deposit amount of the Seller and/or a third party in a bank account held with the Factor (in cases where the Seller is a non-resident);

- (vi) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán một cách hợp lý,

Other documents reasonably required by the Factor,

(sau đây gọi chung là "**Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán**").

*(hereinafter collectively referred to as the "**Factoring Request Documents**").*

- (b) Bên Bán Hàng đã thanh toán Phí Bao Thanh Toán như được quy định tại Điều 4.1 của Hợp Đồng này;

The Seller has paid the Factoring Fees as stipulated in Clause 4.1 of this Agreement;

- (c) Không có Sự Kiện Vi Phạm nào đã xảy ra và đang tiếp diễn hoặc sẽ xảy ra liên quan đến bất kỳ Khoản Tiền Bao Thanh Toán nào đã được giải ngân trước đó và/hoặc Khoản Tiền Bao Thanh Toán giải ngân dự kiến;

No Event of Default has occurred and is continuing, or is expected to occur, with respect to any previously disbursed Factoring Amount and/or the proposed Factoring Amount;

- (d) Không có Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể xảy ra đối với Bên Có Nghĩa Vụ vào thời điểm Yêu Cầu Bao Thanh Toán được gửi đến Bên Bao Thanh Toán và Ngày Giải Ngân theo Yêu Cầu Bao Thanh Toán đó;

No Material Adverse Effect has occurred with respect to the Obligor at the time the Factoring Request is delivered to the Factor and on the Disbursement Date pursuant to such Factoring Request;

- (e) Bên Bao Thanh Toán đã nhận được quyết định của bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của Bên Bán Hàng chấp thuận ký kết, thực hiện Hợp Đồng này, Tài Liệu Bao Thanh Toán khác có nội dung đáp ứng yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán;

The Factor has received authorization of any relevant authorities of the Seller approving the execution and performance of this Agreement and other Factoring Documents in a form satisfactory to the Factor;

- (f) Bên Bán Hàng đã ký và yêu cầu các bên liên quan ký và giao cho Bên Bao Thanh Toán Hợp Đồng Bảo Đảm và tất cả các tài liệu liên quan theo quy định tại (các) Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu áp dụng);

The Seller has signed and procured the relevant parties to execute and deliver to the Factor the Security Agreement(s) and all related documents as stipulated in the Security Agreement(s) (if applicable);

- (g) Toàn bộ mọi cam đoan và bảo đảm của Bên Bán Hàng được nêu tại Điều 7 của Hợp Đồng này là đúng và chính xác trên mọi phương diện quan trọng; và

All representations and warranties of the Seller set forth in Clause 7 of this Agreement are true and accurate in all material respects; and

- (h) Các điều kiện khác theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng và/hoặc yêu cầu hợp lý của Bên Bao Thanh Toán.

Other conditions as set out under the Credit Agreement (if any) and/or as reasonably required by the Factor.

4. PHÍ VÀ LÃI SUẤT

FEES AND INTEREST RATE

4.1. Phí Bao Thanh Toán

Factoring Fees

- (a) Các khoản phí liên quan đến Bao Thanh Toán áp dụng cho từng Bên Mua Hàng sẽ (i) được xác định theo biểu phí do Bên Bao Thanh Toán phát hành tại từng thời điểm và/hoặc (ii) theo các điều khoản quy định tại Thư Chấp Thuận và/hoặc một Yêu Cầu Bao Thanh Toán cụ thể (“**Phí Bao Thanh Toán**”). Sau khi Bên Bán Hàng nộp Yêu Cầu Bao Thanh Toán đầu tiên theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên Bao Thanh Toán sẽ gửi thông báo Bên Bán Hàng về Phí Bao Thanh Toán áp dụng cùng với các tài liệu liên quan (nếu có) và Phí Bao Thanh Toán này sẽ được thanh toán theo thông báo của Bên Bao Thanh Toán.

*Fees associated with the Factoring applicable to each Buyer shall (i) be determined according to the fee schedule issued by the Factor from time to time and/or (ii) specified in the Consent Letter and/or any specific Factoring Request (“**Factoring Fees**”). Upon receipt of the Seller’s first Factoring Request under this Agreement, the Factor shall notify the Seller of the applicable Factoring Fees along with any relevant documents (if any) and such Factoring Fees shall be paid as notified by the Factor.*

- (b) Phí giao dịch đối với các giao dịch ngoại hối, nếu áp dụng, sẽ được thanh toán theo biểu phí áp dụng chung cho khách hàng của Bên Bao Thanh Toán do Bên Bao Thanh Toán áp dụng tại từng thời điểm và sẽ được thanh toán cho Bên Bao Thanh Toán theo thông báo của Bên Bao Thanh Toán tại thời điểm phát sinh phí giao dịch ngoại hối.

Transaction fees for foreign exchange transactions, if applicable, shall be paid according to the fee schedule applicable to the Factor’s clients as applied by the Factor from time to time and shall be paid as notified by the Factor at the time the foreign exchange transaction fees are incurred.

4.2. Lãi Suất Bao Thanh Toán

Factoring Interest Rate

- (a) Các Bên theo đây đồng ý rằng Bên Bán Hàng sẽ thanh toán tiền lãi áp dụng trên Nợ Bao Thanh Toán trong Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán (“**Tiền Lãi**”) theo lãi suất được quy định cụ thể tại Thư Chấp Thuận và/hoặc Yêu Cầu Bao Thanh Toán liên quan. Trong trường hợp Thư Chấp Thuận hoặc Yêu Cầu Bao Thanh Toán không quy định lãi suất áp dụng với Nợ Bao Thanh Toán, Tiền Lãi sẽ được tính theo lãi suất: [***] (“**Lãi Suất**”).

*The Parties agree that the Seller shall pay interest on the Factoring Debt during the Factoring Debt Repayment Term (“**Interest**”) applying the interest rate specified in the Consent Letter và/hoặc the relevant Factoring Request. In the absence of any interest rate applicable to the Factoring Debt specified in the Consent Letter or the Factoring Request, the following interest rate shall apply to the Factoring Debt: [***] (“**Interest Rate**”).*

- (i) Lãi Suất sẽ không thay đổi trong suốt mỗi Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán [trừ trường hợp, Bên Bao Thanh Toán, một cách hợp lý, điều chỉnh Lãi Suất vào Ngày Làm Việc đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi bằng một thông báo bằng văn bản về điều chỉnh lãi suất (hoặc một văn bản có nội dung tương tự)].

The Interest Rate shall remain unchanged throughout each Factoring Debt Repayment Term [except where the Factor reasonably adjusts the Interest Rate on the first Business Day of each Interest Period with written notice of such adjustment (or document having same content)].

- (ii) Tiền Lãi sẽ được tính từ (và bao gồm) Ngày Giải Ngân của mỗi Khoản Tiền Bao Thanh Toán và kết thúc vào (và không bao gồm) Ngày Hoàn Trả liên quan. Trong trường hợp Các Bên có thỏa thuận về việc hoàn trả Nợ Bao Thanh Toán trước khi hết Thời Hạn Hoàn Trả Nợ Bao Thanh Toán, Tiền Lãi sẽ được tính đến (và không bao gồm) ngày kết thúc Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán.

Interest shall be calculated from (and including) the Disbursement Date of each Factoring Amount and end on (but excluding) the relevant Repayment Date. If the Parties agree on an early repayment of the Factoring Debt before the expiry of the Factoring Debt Repayment Term, Interest shall be calculated up to (but excluding) the last day of the Factoring Debt Repayment Term.

- (iii) Tiền Lãi sẽ được cộng dồn từ ngày này sang ngày khác và được tính được tính trên cơ sở số ngày thực tế trôi qua trên và cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

Interest shall accrue on a daily basis and be calculated based on the actual number of days elapsed and a 365-day year basis.

- (b) Kỳ tính lãi:

Interest Period:

- (i) Mỗi giai đoạn tính Tiền Lãi ("**Kỳ Tính Lãi**") được quy định cụ thể tại Yêu Cầu Bao Thanh Toán. Mỗi Kỳ Tính Lãi đối với Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ bắt đầu vào ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi trước đó.

*Each period for the calculation of Interest ("**Interest Period**") shall be set out in the Factoring Request. Each Interest Period applicable to a Factoring Amount shall commence on the last day of the preceding Interest Period.*

- (ii) Nếu Kỳ Tính Lãi kéo dài chưa đủ một ngày dương lịch sẽ được tính là một (01) ngày, kể cả trong trường hợp toàn bộ dư nợ Khoản Tiền Bao Thanh Toán được hoàn trả cho Bên Bao Thanh Toán vào Ngày Giải Ngân.

If the Interest Period is less than a full calendar day, it shall be calculated as one (01) day, even if the entire Factoring Amount is to be repaid to the Factor on the Disbursement Date.

- (iii) Nếu Kỳ Tính Lãi kết thúc vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc, Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi tiếp theo là lãi suất được Bên Bao Thanh Toán xác định vào Ngày Làm Việc tiếp theo.

If the Interest Period ends on a day that is not a Business Day, the Interest Rate for the next Interest Period shall be determined by the Factor on the following Business Day.

- (iv) Bên Bán Hàng sẽ thanh toán Tiền Lãi cho mỗi Khoản Tiền Bao Thanh Toán theo hình thức trả sau vào ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Tính Lãi liên quan ("**Ngày Trả Lãi**"). Nếu Ngày Trả Lãi không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Trả Lãi sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo.

*The Seller shall pay Interest with respect to each Factoring Amount according to the post-payment method on the last day of each relevant Interest Period ("**Interest Payment Date**"). If the Interest Payment Date is not a Business Day, it shall be the next succeeding Business Day.*

4.3. Lãi Suất Nợ Quá Hạn

Delinquent Interest Rate

Vào Ngày Hoàn Trả, nếu Bên Bao Thanh Toán không thể thu hồi hoặc thu hồi không đầy đủ Nợ Bao Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán, Bên Bán Hàng phải thanh toán cho Bên Thanh Toán một khoản tiền lãi trên nợ quá hạn tương đương ("**Tiền Lãi Nợ Quá Hạn**") như sau:

*On the Repayment Date, if the Factor fails to recover or recovers insufficiently the Factoring Debt under this Agreement and the Factoring Documents, the Seller must pay the Factor an equivalent to overdue debt interest ("**Delinquent Interest**") as follows:*

Tiền Lãi Nợ Quá Hạn = Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn x Lãi Suất Nợ Quá Hạn x Thời Gian Nợ Quá Hạn ÷ 365.

$\text{Delinquent Interest} = \text{Overdue Factoring Debt} \times \text{Delinquent Interest Rate} \times \text{Overdue Debt Period} \div 365$.

Trong đó:

In which:

“**Lãi Suất Nợ Quá Hạn**” có nghĩa là lãi suất tương đương 150% Lãi Suất.

“**Delinquent Interest Rate**” means an interest rate equivalent to 150% of the Interest Rate.

“**Thời Gian Nợ Quá Hạn**” có nghĩa là khoảng thời gian bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Hoàn Trả cho đến khi Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn đã được thanh toán.

“**Overdue Debt Period**” means the period starting from (and including) the Repayment Date until the Overdue Factoring Debt is fully repaid.

4.4. Tiền Lãi Của Lãi Chậm Trả

Late Interest Payment Interest

Vào thời điểm kết thúc Ngày Trả Lãi, nếu Bên Bán Hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Tiền Lãi, Bên Bán Hàng phải thanh toán cho Bên Bao Thanh Toán một khoản tiền tương đương (“**Tiền Lãi Của Lãi Chậm Trả**”):

At the end of the Interest Payment Date, if the Seller fails to pay or fails to pay Interest fully, the Seller shall pay the Factor an amount equivalent to (“Late Interest Payment Interest”):

Tiền Lãi Của Lãi Chậm Trả = Số Dư Lãi Chậm Trả x Thời Gian Chậm Trả Lãi x Lãi Suất Cho Số Dư Lãi Chậm Trả ÷ 365.

$\text{Late Interest Payment Interest} = \text{Late Interest Payment} \times \text{Late Interest Payment Period} \times \text{Interest Rate For Late Payment Interest} \div 365$.

Trong đó:

In which:

“**Số Dư Lãi Chậm Trả**” có nghĩa là bất kỳ khoản Tiền Lãi không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khi kết thúc Ngày Trả Lãi.

“**Late Interest Payment**” means any amount in the Interest not paid or paid insufficiently on the Interest Payment Date.

“**Thời Gian Chậm Trả Lãi**” có nghĩa là khoảng thời gian bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Trả Lãi cho đến hết (và không bao gồm) ngày mà vào ngày đó Bên Bán Hàng đã thanh toán toàn bộ các khoản Số Dư Lãi Chậm Trả và Tiền Lãi Của Lãi Chậm Trả.

“**Late Interest Payment Period**” means the period starting from (and including) the Interest Payment Date to the day (but excluding) on which the Seller fully pays all Late Payment Interests and Late Interest Payment Interest.

“**Lãi Suất Cho Số Dư Lãi Chậm Trả**” có nghĩa là lãi suất áp dụng cho Số Dư Lãi Chậm Trả trong Thời Gian Chậm Trả Lãi tương đương 10%/năm (trên cơ sở một năm có 365 ngày).

“**Interest Rate For Late Payment Interest**” means the interest rate applied to Late Interest Payment during the Late Interest Payment Period equivalent to 10%/year (on a 365-day year basis).

5. HOÀN TRẢ KHOẢN TIỀN BAO THANH TOÁN

REPAYMENT OF FACTORING AMOUNT

5.1. Thu Hồi Khoản Phải Thu

Recovery of Receivables

Khi kết thúc Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu của một Khoản Phải Thu được quy định tại một Yêu Cầu Bao Thanh Toán cụ thể, tùy theo sự lựa chọn của Bên Bao Thanh Toán:

Upon the expiry of the Receivables Payment Term with respect to the Receivables as set out in a specific Factoring Request, at the discretion of the Factor:

- (i) Bên Bao Thanh Toán sẽ thực hiện quyền thu hồi một phần hoặc toàn bộ Khoản Phải Thu đối với (Các) Bên Mua Hàng; hoặc

The Factor shall exercise the right to recover a part or the entirety of the Receivables from the Buyer(s); or

- (ii) Nếu Bên Bao Thanh Toán không thể thu hồi hoặc thu hồi không đầy đủ Khoản Phải Thu từ (Các) Bên Mua Hàng, Bên Bao Thanh Toán có quyền:

If the Factor cannot recover or recovers the Receivables in full from the Buyer(s), the Factor may either:

- (A) yêu cầu Bên Bán Hàng hoàn trả một phần hoặc toàn bộ Khoản Phải Thu theo thông báo của Bên Bao Thanh Toán; hoặc

request the Seller to repay a part or the entirety of the Receivables as notified by the Factor; or

- (B) yêu cầu Bên Bán Hàng hoàn trả toàn bộ Nợ Bao Thanh Toán liên quan khi kết thúc Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán.

request the Seller to repay the relevant Factoring Debt in full upon the expiry of the Factoring Debt Repayment Term.

5.2. Khấu Trừ Tài Khoản Thanh Toán

Collection Account Deduction

Vào Ngày Hoàn Trả, Ngày Trả Lãi liên quan và/hoặc ngày đến hạn của các khoản thanh toán khác (bao gồm nhưng không giới hạn, các loại phí, chi phí, tổn thất của Bên Bao Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Bao Thanh Toán) đến hạn thanh toán tại từng thời điểm theo Hợp Đồng này, Bên Bán Hàng theo đây ủy quyền và chỉ thị cho Bên Bao Thanh Toán tự động ghi nợ vào Tài Khoản Thanh Toán của Bên Bán Hàng mở tại Bên Bao Thanh Toán để hoàn trả toàn bộ số tiền đến hạn đó hoặc Bên Bán Hàng sẽ chuyển số tiền đến hạn đó cho Bên Bao Thanh Toán trước **[12 giờ trưa]** (giờ Việt Nam) vào ngày mà số tiền đó đến hạn nếu được Bên Bao Thanh Toán thông báo.

*On the Repayment Date, Interest Payment Date, and/or the due date of other payments (including but not limited to fees, costs, or losses of the Factor as specified in this Agreement and/or the Factoring Documents) payable from time to time under this Agreement, the Seller hereby authorizes and instructs the Factor to automatically debit the Collection Account maintained by the Seller with the Factor for the total amount due or, if notified by the Factor, the Seller shall transfer the due amount to the Factor by **[12:00 PM]** (Vietnam time) on the due date of such payment.*

5.3. Hoàn Trả Nợ Bao Thanh Toán

Repayment of Factoring Debt

Nếu Bên Bao Thanh Toán lựa chọn không thu hồi hoặc không thể thu hồi hoặc thu hồi không đầy đủ Khoản Phải Thu khi kết thúc Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu của Khoản Phải Thu đó, khi kết thúc Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán đối với Nợ Bao Thanh Toán liên quan, Bên Bán Hàng sẽ ngay lập tức thanh toán toàn bộ Nợ Bao Thanh Toán cho Bên Bao Thanh Toán.

If the Factor opts not to recover, or is unable to recover or recover in full the Receivables at the expiry of the Receivables Payment Term applicable to such Receivables, upon the expiry of the Factoring Debt Repayment Term with respect to the relevant Factoring Debt, the Seller shall immediately repay the entire Factoring Debt to the Factor.

5.4. Chuyển Nợ Quá Hạn và Phân Loại Nợ

Conversion to Overdue Debt and Debt Classification

Các Bên đồng ý rằng:

The Parties agree that:

- (a) Trong trường hợp, Bên Bán Hàng không thanh toán đầy đủ, đúng hạn Nợ Bao Thanh Toán khi kết thúc Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán,

In the event that the Seller does not repay the Factoring Debt in full and in time upon the expiration of the Factoring Debt Repayment Term,

- (i) Bên Bao Thanh Toán có quyền chuyển bất cứ khoản tiền nào trong Nợ Bao Thanh Toán thành Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn, áp dụng Lãi Suất Nợ Quá Hạn trong Thời Gian Nợ Quá Hạn; và

the Factor will have the right to convert any amount of the Factoring Debt to an Overdue Factoring Debt, applying the Delinquent Interest Rate during the Overdue Debt Period; and

- (ii) Bên Bao Thanh Toán có quyền thực hiện các biện pháp phân loại nợ đối với toàn bộ tất cả các khoản nợ của Bên Bán Hàng phát sinh tại Bên Bao Thanh Toán (bao gồm nhưng không giới hạn Nợ Bao Thanh Toán) và cung cấp thông tin tín dụng của Bên Bán Hàng theo quy định của Luật Áp Dụng và Cơ Quan Nhà Nước. Bên Bán Hàng theo đây đồng ý thêm rằng Bên Bao Thanh Toán có thể tiến hành phân loại nợ vào bất kỳ thời điểm nào, dù có phải là Ngày Làm Việc hay không, theo quy định nội bộ của Bên Bao Thanh Toán trên cơ sở tuân thủ quy định của Luật Áp Dụng và yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước.

The Factor will have the right to take any action to classify the entire outstanding debts of the Seller owed to the Factor (including without limitation the Factoring Debt) and disclose the credit information of the Seller as required by the Applicable Law and Governmental Authorities. The Seller hereby further agrees that the Factor may implement the debt classification on any date, whether such date is a Business Day, according to the internal policies of the Factor provided that such policies are consistent with the Applicable Law and requirements of the Governmental Authorities.

- (b) Trong trường hợp Bên Bao Thanh Toán thực hiện quyền thu hồi một phần Khoản Phải Thu khi kết thúc Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu theo Điều 5.1 trên đây, phần còn lại của Khoản Phải Thu sẽ không bị chuyển thành Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn trong khoảng thời gian còn lại của Thời Hạn Trả Nợ Bao Thanh Toán.

In the event the Factor exercises its right to recover any part of the Receivables upon the expiry of the Receivables Payment Term under Clause 5.1 above, the outstanding amount in the Receivables shall not be converted into Overdue Factoring Debt during the remaining term of the Factoring Debt Repayment Term.

5.5. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán

Payment Priority

Nếu số tiền mà Bên Bao Thanh Toán nhận được từ Bên Bán Hàng và/hoặc (Các) Bên Mua Hàng theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Bao Thanh Toán, và/hoặc số tiền từ việc thực hiện biện pháp bảo đảm theo bất kỳ (các) Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu có) không đủ để hoàn trả toàn bộ (các) Nợ Bao Thanh Toán, Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn (nếu áp dụng), Tiền Lãi, Tiền Lãi Nợ Quá Hạn (nếu áp dụng), Tiền Lãi Cửa Lãi Chậm Trả (nếu áp dụng), các khoản phí, chi phí quy có liên quan, theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Bao Thanh Toán, Các Bên đồng ý rằng Bên Bao Thanh Toán sẽ sử dụng từng phần tiền thanh toán để giải trừ các nghĩa vụ của Bên Bán Hàng theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Bao Thanh Toán theo thứ tự như sau:

If the amount received by the Factor from the Seller and/or the Buyer(s) under this Agreement and/or the Factoring Documents, and/or the amount derived from the enforcement of any security measures under any Security Agreement(s) (if applicable), is insufficient to settle in full the Factoring Debt, Overdue Factoring Debt (if applicable), Interests, Delinquent Interest (if applicable), and/or Late Interest Payment Interest (if applicable), and any associated fees and expenses, as set out under this Agreement and/or the Factoring Documents, the Parties agree that the Factor shall allocate the partial payment to discharge the Seller's obligations under this Agreement and/or the Factoring Documents in the following order:

(a) Đối với Nợ Bao Thanh Toán chưa bị chuyển sang Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn:

With respect to any Factoring Debt that has not been converted into an Overdue Factoring Debt:

- (i) thứ nhất, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán toàn bộ phí tổn, chi phí, các khoản phạt do vi phạm Hợp Đồng này và/hoặc vi phạm theo các Tài Liệu Bao Thanh Toán khác và các khoản phí liên quan đến chấm dứt Bao Thanh Toán;

firstly, to settle or allocate towards settling all costs, expenses, penalties for breaches of this Agreement and/or breaches under other Factoring Documents, and fees related to termination of the Factoring;

- (ii) thứ hai, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán Tiền Lãi Của Lãi Chậm Trả;

secondly, in or towards payment of Late Interest Payment Interest;

- (iii) thứ ba, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán Tiền Lãi Nợ Quá Hạn;

thirdly, in or towards payment of Delinquent Interest;

- (iv) thứ tư, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán Tiền Lãi phải thanh toán; và

fourthly, in or towards payment of Interests; and

- (v) thứ năm, để hoàn trả hoặc cho việc hoàn trả dư nợ của Nợ Bao Thanh Toán.

fifthly, in or towards repayment of the outstanding amount in the Factoring Debt.

(b) Đối với Nợ Bao Thanh Toán đã bị chuyển sang Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn:

With respect to any Factoring Debt that has been converted as Overdue Factoring Debt:

- (i) thứ nhất, để hoàn trả hoặc cho việc hoàn trả Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn;

firstly, in or towards repayment of the Factoring Debt (principal outstanding) which has been overdue;

- (ii) thứ hai, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán Tiền Lãi Nợ Quá Hạn;

secondly, in or towards payment of Delinquent Interest;

- (iii) thứ ba, để thanh toán Nợ Bao Thanh Toán (khoản cấp tín dụng gốc) đến hạn (nếu có);

thirdly, in or towards repayment of any Factoring Debt (principal outstanding) that becomes due (if any);

- (iv) thứ tư, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán Tiền Lãi Của Lãi Chậm Trả;

forthly, in or towards payment of Late Interest Payment Interest;

- (v) thứ năm, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán Tiền Lãi (nếu có);

fifthly, in or towards payment of the Interest (if any);

- (vi) thứ sáu, để thanh toán hoặc cho việc thanh toán các phí tổn, chi phí, các khoản phạt do vi phạm Hợp Đồng này và/hoặc vi phạm các Tài Liệu Bao Thanh Toán khác và các khoản phí liên quan đến chấm dứt Bao Thanh Toán.

sixthly, in or towards payment of cost, expenses and penalties due to breach of this Agreement and/or the Factoring Documents and other relevant fees relating to termination of the Factoring.

- (c) Bên Bao Thanh Toán có toàn quyền tự quyết thay đổi trình tự sử dụng tiền thanh toán trên nếu Bên Bao Thanh Toán cho rằng là phù hợp theo quy định của Luật Áp Dụng.

The Factor may, at its discretion, vary the above payment order if in the opinion of the Factor it would be reasonable in doing so to comply with the Applicable Law.

6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

SECURITY INTEREST

- 6.1. Bên Bán Hàng, bằng Hợp Đồng này, trong phạm vi tối đa được Luật Áp Dụng cho phép, cam kết cung cấp cho Bên Bao Thanh Toán các biện pháp bảo đảm được liệt kê dưới đây để thực hiện các nghĩa vụ của (các) Bên Có Nghĩa Vụ theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán khác ("**Biện Pháp Bảo Đảm**"):

*By this Agreement, to the fullest extent permitted by the Applicable Law, the Seller undertakes to provide the Factor with the security interests set out below to secure the Obligor(s)'s obligations under this Agreement and other Factoring Documents ("**Security Interest**"):*

- (a) Bên Bao Thanh Toán sẽ bảo lưu quyền sở hữu đối với Nợ Bao Thanh Toán và tất cả các khoản tiền đến hạn phải trả khác theo các điều khoản của Tài Liệu Bao Thanh Toán và/hoặc quyền truy đòi đối với Khoản Phải Thu từ Bên Bán Hàng.

The Factor shall retain its ownership over the Factoring Debt and all outstanding and due amounts pursuant to the provisions of the Factoring Documents and/or the right to reclaim the Receivables from the Seller.

- (b) [Bên Bán Hàng sẽ thế chấp toàn bộ các quyền tài sản và các quyền khác, bao gồm các quyền hiện tại và hình thành trong tương lai phát sinh tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán cho Bên Bao Thanh Toán];

[The Seller shall mortgage all proprietary rights and other contractual rights both existing and those that may be established in the future under the Factored Agreements to the Factor];

- (c) [Bên Bán Hàng sẽ thế chấp toàn bộ số dư và các quyền và lợi ích khác trên Tài Khoản Thanh Toán cho Bên Bao Thanh Toán];

[The Seller shall mortgage all amounts deposited in the Collection Account and other rights and interests associated therewith to the Factor];

- 6.2. Bên Bán Hàng sẽ hoặc đảm bảo các Bên Có Nghĩa Vụ có liên quan sẽ ký kết các hợp đồng bảo đảm đối với các biện pháp được liệt kê ở trên ("**Hợp Đồng Bảo Đảm**") và các tài liệu khác được yêu cầu bởi Bên Bao Thanh Toán tại bất kỳ thời điểm nào và thực hiện các thủ tục mà Bên Bao Thanh Toán cho là cần thiết để duy trì và/hoặc thi hành biện pháp bảo đảm được quy định trong các Hợp Đồng Bảo Đảm đó.

*The Seller shall, or procures the relevant Obligors shall, execute security agreements in relation to the security interests listed above ("**Security Agreement**") and other documents required by the Factor at any time and complete the procedures deemed necessary by the Factor to maintain and/or enforce the security interests prescribed in such Security Agreement.*

- 6.3. Tùy thuộc vào quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm, Bên Bán Hàng sẽ hoặc đảm bảo các bên bảo đảm thực hiện hoặc hỗ trợ Bên Bao Thanh Toán trong việc tiến hành các thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Luật Áp Dụng.

Subject to the provisions of the Security Agreements, the Seller shall, or shall ensure that the securing parties, perform or assist the Factor in carrying out the registration procedures for secured transactions in accordance with Applicable Law.

7. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA BÊN BÁN HÀNG

REPRESENTATIONS AND WARRANTIES OF THE SELLER

Bên Bán Hàng bằng Hợp Đồng này cam đoan và đảm bảo rằng vào Ngày Hiệu Lực, mỗi ngày gửi Yêu Cầu Bao Thanh Toán, và Ngày Giải Ngân (trừ khi có quy định khác trong điều này), các tuyên bố sau vẫn luôn đúng, chính xác và không sai lệch trên mọi khía cạnh:

The Seller, under this Agreement, represents and warrants that on the Effective Date, and on each date a Factoring Request is delivered, and on the Disbursement Date (unless otherwise specified herein) the following statements remain true, accurate, and not misleading in any respect:

Tư cách pháp nhân, năng lực pháp luật**Legal status, legal capacity**

- (a) Bên Bán Hàng là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo luật pháp [Việt Nam], có đầy đủ quyền hạn để sở hữu các tài sản của bên tương ứng, thực hiện công việc kinh doanh và các hoạt động hiện đang tiến hành của bên tương ứng;

The Seller is a company duly established and operating lawfully under the laws of [Vietnam], with full authority to own its respective assets, conduct its business, and carry out its ongoing operations;

- (b) Trong trường hợp Bên Bán Hàng là người không cư trú, Bên Bán Hàng có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư quy định tại điểm (a), (c) khoản 1 Điều 52 Luật Đầu Tư hoặc dưới hình thức đầu tư khác quy định tại điểm (đ) khoản 1 Điều 52 Luật Đầu Tư;

In case the Seller is a non-resident, the Seller has equity interests in a Vietnamese enterprise under the forms of investment prescribed in Article 52.1(a) and Article 52.1(c) of the Law on Investment or under other investment forms prescribed in Article 52.1(dd) of the Law on Investment.

Thẩm quyền ký kết, hiệu lực pháp luật**Authority to execute and legal validity**

- (c) Bên Bán Hàng có đầy đủ quyền hạn, thẩm quyền và quyền hợp pháp để ký kết và tham gia vào các giao dịch được dự kiến theo Hợp Đồng này và bất kỳ Tài Liệu Bao Thanh Toán khác mà Bên Bán Hàng là một bên tham gia, và đã tiến hành thủ tục và xin được các phê chuẩn cần thiết trong phạm vi công ty và các chấp thuận cần thiết khác để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Tài Liệu Bao Thanh Toán khác mà Bên Bán Hàng là một bên tham gia;

The Seller has full power, authority, and legal rights to enter into and perform the transactions contemplated under this Agreement and any Factoring Documents to which it is a party, and has taken and obtained all necessary corporate actions and requisite approvals to execute and perform this Agreement and any Factoring Documents to which it is a party;

- (d) Hợp Đồng này và toàn bộ Tài Liệu Bao Thanh Toán khác mà Bên Bán Hàng là một bên tham gia, trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán liên quan, có hiệu lực pháp lý, có tính ràng buộc và có thể thi hành đối với Bên Bán Hàng;

This Contract and all Factoring Documents to which the Seller is a party are valid, binding, and enforceable against the Seller during the term of this Agreement and related Factoring Documents;

- (e) Bên Bán Hàng đã xin được bất kỳ chấp thuận của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào hay cơ quan khác hoặc của những người sở hữu bất kỳ quyền lợi nào đối với Bên Bán Hàng cần thiết về mặt pháp lý cho việc ký kết, đảm bảo tính có hiệu lực và thực hiện Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán khác;

The Seller has obtained all necessary approvals from any Governmental Authorities, other agencies, or any persons holding legal rights over the Seller for the execution, validity, and performance of this Agreement and other Factoring Documents;

Kiểm tụng, tranh chấp, vi phạm pháp luật

Litigation, disputes, and violation of the law

- (f) Không có kiện tụng, các thủ tục giải quyết tranh chấp tại trọng tài hoặc biện pháp xử lý hành chính hoặc khiếu nại nào đang được tiến hành hoặc chờ xử lý hoặc có nguy cơ chống lại Bên Bán Hàng hoặc các tài sản hay doanh thu hay công ty liên kết hay bất kỳ công ty con nào của Bên Bán Hàng;

There are no lawsuits, arbitration proceedings, administrative measures, or claims pending, threatened, or ongoing against the Seller or its assets or revenues or affiliates, or any of its subsidiaries;

- (g) Bên Bán Hàng không vi phạm bất kỳ quy định pháp luật, quy chế, phán quyết, yêu cầu, quyết định, thỏa thuận hoặc các nghĩa vụ nào được áp dụng đối với Bên Bán Hàng hoặc tài sản hay doanh thu của Bên Bán Hàng mà có thể dẫn đến Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đối với Bên Bán Hàng;

The Seller is not in violation of any laws, regulations, judgments, orders, decisions, agreements, or obligations applicable to it or its assets or revenues that may result in a Material Adverse Effect on the Seller;

- (h) Việc thực hiện các quyền và các nghĩa vụ của Bên Bán Hàng theo Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán khác sẽ không:

The performance of the Seller's obligations under this Agreement and other Factoring Documents does not:

- (i) mâu thuẫn với bất kỳ thỏa thuận hoặc văn kiện khác trong đó Bên Bán Hàng là một bên tham gia và có tính ràng buộc Bên Bán Hàng hoặc bất kỳ tài sản nào của Bên Bán Hàng; hoặc

conflict with any agreement or other instrument in which the Seller is a party and which are binding upon it or its assets; or

- (ii) mâu thuẫn với điều lệ, các hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác đầu tư (nếu có) của Bên Bán Hàng, hoặc bất kỳ quy định hay quy chế đang áp dụng đối với Bên Bán Hàng;

conflict with the charter, joint venture agreement, business cooperation contract (if any) or any applicable rules and regulations governing the Seller;

- (i) Nghĩa vụ của Bên Bán Hàng trong việc hoàn trả bất kỳ và tất cả các khoản phải thanh toán theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán khác là nghĩa vụ tuyệt đối và vô điều kiện trong mọi trường hợp, bất kể có tranh chấp giữa Bên Bán Hàng với Bên Bao Thanh Toán hoặc tranh chấp giữa Bên Bán Hàng với bất kỳ bên nào khác;

The Seller's obligation to repay any and all amounts due under this Agreement and other Factoring Documents is absolute and unconditional under all circumstances, irrespective of disputes between the Seller and the Factor or between the Seller or any other parties;

Khả năng tài chính***Financial capacity***

- (j) Tổng vốn đầu tư của Bên Bán Hàng và vốn pháp định của Bên Bán Hàng (nếu cần thiết phải có) sẽ được duy trì phù hợp với các điều khoản trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của Bên Bán Hàng và Luật Áp Dụng;

The Seller's total investment capital and legal capital (if required) are maintained in compliance with the terms of its investment license, investment certificate, or investment registration certificate (if any) and Applicable Law;

- (k) Bên Bán Hàng không rơi vào tình trạng không trả được nợ, là đối tượng của thủ tục phá sản hoặc thủ tục thanh lý, chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật Áp Dụng;

The Seller is not insolvent, subject to bankruptcy, liquidation, or dissolution proceedings under Applicable Law;

Tính hiệu lực, tính chính xác của Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán

Validity and accuracy of Factoring Request Documents

- (l) Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán duy trì hiệu lực và tính chính xác trong suốt Thời Hạn, và Bên Bán Hàng không lập bất kỳ sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế đối với các Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán mà Bên Bán Hàng đã cung cấp cho Bên Bao Thanh Toán;

The Factoring Request Documents remain valid and accurate throughout the Term and the Seller has not made any amendments, supplements, or replacements to the Factoring Request Documents that have been delivered to the Factor;

- (m) Toàn bộ các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu cung cấp cho Bên Bao Thanh Toán để liên quan đến mục đích sử dụng Khoản Tiền Bao Thanh Toán đều là duy nhất. Để làm rõ, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu duy nhất được hiểu là các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu không được lập hoặc phát hành dưới bất kỳ hình thức nào cho bất kỳ lần giải ngân nào khác và không được sử dụng cho mục đích xin cấp tín dụng tại Bên Bao Thanh Toán hoặc bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào khác;

All the records, documents, and data relating to the purpose of utilising the Factoring Amount(s) provided to the Factor are unique. For the avoidance of doubt, unique records, documents, and data refer to those that are not prepared or otherwise issued for any other disbursement and not used for the purpose of obtaining any credit from the Factor or any other credit institutions or foreign bank branches;

- (n) Từng Tài Liệu Yêu Cầu Bao Thanh Toán có hiệu lực pháp luật và có thể thực thi theo quy định của Luật Áp Dụng;

Each Factoring Request Document is valid and enforceable under Applicable Law;

- (o) Hàng hóa, dịch vụ được quy định trong Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và các tài liệu, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán không rơi vào trường hợp bị pháp luật cấm, và các nghĩa vụ thuế đến hạn liên quan đến Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán đã được thanh toán;

The goods and services under the Factored Agreements and related documents, agreements related to the Factored Agreements are not prohibited by law, and all due tax obligations related to the Factored Agreements have been paid;

- (p) (Các) Bên Mua Hàng không tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc đưa ra bất kỳ khiếu nại nào để hủy bỏ hoặc cản trở việc thực hiện các quyền của Bên Bao Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng này;

The Buyer(s) has not initiated any proceedings or brought any claim to cancel or obstruct the enforcement of the Factor's rights under this Agreement;

- (q) Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và các tài liệu, thỏa thuận liên quan giữa Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng không có thỏa thuận cho phép một bên được chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào trong Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán cho bất kỳ bên thứ ba nào khác;

None of the Factored Agreements and related documents and agreements between the Seller and Buyer(s) contains any provision allowing a party to assign any rights and obligations in the Factor Agreement to any third parties;

- (r) Khoản Phải Thu theo Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán (i) thực tế tồn tại, có giá trị cố định và không rơi vào trường hợp cấm chuyển nhượng, và (ii) chưa được bao thanh toán với bất kỳ bên thứ ba nào khác hoặc/và đang được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, bù trừ, cầm giữ, hoặc chưa được đăng ký làm tài sản bảo đảm cho bên thứ ba nào khác với bất kỳ cơ quan đăng ký có thẩm quyền nào;

The Receivables under the Factored Agreements (i) indeed exist, have a fixed value, and are not subject to transfer restrictions, and (ii) have not been factored in favour of any other third party or/and has been used to secure any payment obligation, set-off, liens, or registered as security assets in favour of any third party with any competent registrar;

- (s) Chưa tồn tại khoản thanh toán quá hạn nào theo Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán;

There is no existing overdue payment amount under the Factored Agreements;

- (t) Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng không có bất kỳ tranh chấp nào đối với Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và các tài liệu, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán; và

The Seller and Buyer(s) have no disputes arising out of the Factored Agreements and documents, agreements related to the Factored Agreements; and

- (u) Bên Bán Hàng phải bảo đảm rằng tại mọi thời điểm các quyền yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán đối với Bên Bán Hàng theo Hợp Đồng này ít nhất được xếp ngang hàng với quyền yêu cầu của tất cả các bên cho vay không được bảo đảm khác.

The Seller shall ensure that, at all times, the Factor's claims against the Seller under this Agreement are ranked at least *pari passu* with the claims of all other unsecured lenders.

8. CÁC NGHĨA VỤ VÀ CAM KẾT CỦA BÊN BÁN HÀNG

OBLIGATIONS AND COVENANTS OF THE SELLER

8.1. Các nghĩa vụ và cam kết chung của Bên Bán Hàng:

General obligations and covenants of the Seller:

Không làm ảnh hưởng đến những nghĩa vụ và cam kết khác của Bên Bán Hàng quy định tại Hợp Đồng này, Bên Bán Hàng sau đây đồng ý rằng:

Without prejudice to any other obligations and covenants of the Seller as set out in this Agreement, the Seller hereby agrees that:

- (a) Khoản Tiền Bao Thanh Toán được giải ngân bởi Bên Bao Thanh Toán sẽ được đúng mục đích được quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này;

The Factoring Amounts disbursed by the Factor shall only be used for the purpose specified in Clause 2.1 of this Agreement;

- (b) Bên Bán Hàng chỉ sử dụng các khoản tiền trên Tài Khoản Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng này và Tài Liệu Bao Thanh Toán;

The Seller shall only use the proceeds in the Collection Account in accordance with the terms set forth in this Agreement and the Factoring Documents;

- (c) Trong thời gian sớm nhất có thể kể từ khi diễn ra sự trả lại, khiếu nại, không giao, chậm giao hàng hóa, dịch vụ hoặc các vấn đề khác ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến Khoản Phải Thu, thông báo bằng văn bản cho Bên Bao Thanh Toán và cung cấp các chứng từ, tài liệu có liên quan cho Bên Bao Thanh Toán liên quan đến các sự kiện này bao gồm và không giới hạn, bản sao hoặc bản gốc hóa đơn thể hiện toàn bộ các khoản phải thu, tài liệu yêu cầu bồi thường, đơn đặt hàng đã xác nhận, tài liệu chứng minh yêu cầu bồi thường, tài sản bảo đảm cho tất cả các yêu cầu bồi thường và các quyền liên quan, cũng như tất cả tài liệu khác mà Bên Bao Thanh Toán cho là cần thiết. Bên Bán Hàng cũng phải hoàn tất biểu mẫu thông tin chuyển nhượng hoặc bảng kê chi tiết về sản phẩm đã bán bị trả lại hoặc các khoản chiết khấu đối với sản phẩm được quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán (nếu có);

The Seller shall notify the Factor in writing, as soon as possible after the occurrence of any return, claim, non-delivery, delayed delivery of goods or services, or other issues that have an impact or potential impact upon the Receivables, and provide the Factor with related documents or evidence, including but not limited to, copies or originals of invoices showing all Receivables, claim documents, confirmed purchase orders, proof of claims, collateral for all claims, and all other documents deemed necessary by the Factor. The Seller must also complete transfer information forms or detailed statements of returned products or product discounts as specified in the Factored Agreement(s) (if applicable);

- (d) Nếu Khoản Phải Thu bị giảm sút do việc chiết khấu hóa đơn, Bên Bán Hàng ngay lập tức thông báo cho Bên Bao Thanh Toán biết và phải hoàn trả cả khoản tiền trên Nợ Bao Thanh Toán và Tiền Lãi tương ứng với Khoản Phải Thu bị giảm sút đó theo thông báo của Bên Bao Thanh Toán.

If the Receivables are reduced due to invoice discounts, the Seller shall immediately inform the Factor and repay any amount in the Factoring Debt and Interest corresponding to the reduced Receivables as notified by the Factor;

- (e) Bên Bán Hàng sẽ không (i) gửi bất kỳ thông báo nào tới (Các) Bên Mua Hàng để thay đổi bên nhận tiền, phương thức thanh toán, và (ii) sửa đổi, thay thế, bổ sung, hủy bỏ bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Bao Thanh Toán.

The Seller shall not (i) send any notices to the Buyer(s) to change the payment recipient or payment method, and (ii) amend, replace, supplement, or cancel any terms of the Factored Agreement(s) without the Factor's prior consent in writing;

- (f) Bên Bán Hàng sẽ không thực hiện bất kỳ khoản đầu tư chéo (dù trực tiếp hoặc gián tiếp), có mối quan hệ kiểm soát hoặc có lợi ích thương mại bất hợp pháp khác với (Các) Bên Mua Hàng;

The Seller shall not engage in any cross-investments (directly or indirectly), control relationships, or other illegal commercial interests with the Buyer(s);

- (g) Bên Bán Hàng (i) sẽ không và (ii) không để (x) (Các) Bên Mua Hàng (hoặc Bên Bán Hàng, nếu áp dụng) hoặc (y) đại diện của (Các) Bên Mua Hàng (hoặc Bên Bán Hàng, nếu áp dụng) nắm giữ vị trí giám đốc, quản lý, hoặc cổ đông nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn, vốn điều lệ của Bên Bán Hàng, hoặc bên liên kết của Bên Bán Hàng và ngược lại, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên Bao Thanh Toán;

The Seller (i) shall not and (ii) does not permit (x) the Buyer(s) (or the Seller, where applicable) or (y) any representative of the Buyer(s) (or the Seller, where applicable) to hold a position as director, manager, or shareholder holding 1% or more of the charter capital of the Seller, or of any affiliate of the Seller or vice versa, unless the Factor provides written consent.

- (h) Tại từng thời điểm áp dụng theo quy định tại Hợp Đồng, Tài Liệu Bao Thanh Toán này hoặc theo yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán, Bên Bán Hàng sẽ cung cấp cho Bên Bao Thanh Toán hồ sơ pháp lý, báo cáo tài chính, thông tin cơ bản của Bên Bán Hàng, (Các) Bên Mua Hàng, hồ sơ và sổ sách kế toán, thông tin tài chính khác, các tài liệu chứng minh mục đích và phương án sử dụng các Khoản Tiền Bao Thanh Toán, thông tin và tài liệu liên quan về người có liên quan của Bên Bán Hàng theo quy định của Luật Áp Dụng và cam kết rằng các thông tin trên là chính xác, không che giấu bất kỳ thông tin tiêu cực nào liên quan đến Khoản Phải Thu, khả năng thanh toán hoặc các thông tin tài chính khác của Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng;

At any time as expressly required under this Agreement, the Factoring Documents or requested by the Factor, the Seller shall provide the Factor with legal documents, financial statements, basic information about the Seller and Buyer(s), accounting records and books, financial details, documents proving the purpose and plan of utilizing the Factoring Amount, and information and relevant documents in relation to related persons of the Seller as required by the Applicable Law, and ensure the accuracy of such information, without concealing any negative details regarding the Receivables, the ability to pay, or other financial information of the Seller and Buyer(s);

- (i) Nếu Khoản Phải Thu lớn hơn Nợ Bao Thanh Toán, Bên Bán Hàng đồng ý chuyển nhượng vô điều kiện Khoản Phải Thu lớn hơn Nợ Bao Thanh Toán này cho Bên Bao Thanh Toán làm tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Bán Hàng theo Hợp Đồng này và để Bên Bao Thanh Toán thực hiện việc thu Khoản Phải Thu đó thay mặt Bên Bán Hàng, trừ khi Bên Bán Hàng và Bên Bao Thanh Toán có thỏa thuận khác;

If the Receivables exceed the Factoring Debt, the Seller agrees to unconditionally transfer the excess amount of the Receivables to the Factor as secured assets for the Seller's obligations under this Agreement, allowing the Factor to recover such Receivables on behalf of the Seller, unless otherwise agreed between the Seller and the Factor;

- (j) Nếu Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán bị chấm dứt trước thời hạn vì bất cứ lý do gì, Bên Bán Hàng phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Bao Thanh Toán và đồng ý Bên Bao Thanh Toán được quyền thu hồi Nợ Bao Thanh Toán trước hạn theo quy định tại Điều 9.2;

If any Factored Agreement is terminated prior to its expiry term for any reason, the Seller shall immediately notify the Factor in writing and agree that the Factor has the right to accelerate the Factoring Debt in advance as stipulated in Clause 9.2;

- (k) Trong Thời Hạn của Hợp Đồng này, nếu Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng thực hiện bất kỳ giao dịch nào bằng thư tín dụng (L/C), trả trước sản phẩm hoặc giao dịch tiền mặt, việc thực hiện đó phải được sự đồng ý của Bên Bao Thanh Toán trước khi thực hiện giao dịch và Bên Bán Hàng phải thông báo bằng văn bản về giá trị giao dịch và các vấn đề liên quan trong vòng 10 ngày trước khi thực hiện;

During the Term of this Agreement, if the Seller and Buyer(s) engage in any transactions involving letters of credit (L/C), advance payment for products, or cash transactions, such transactions may only be consummated upon approval of the Factor in writing, and the Seller must notify the Factor in writing of the transaction value and related matters within 10 days prior to execution;

- (l) Nếu Bên Bao Thanh Toán có thể dự đoán hợp lý rằng một sự kiện gây tổn thất đến Khoản Phải Thu hoặc tài sản bảo đảm theo (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có thể xảy ra, Bên Bán Hàng sẽ và đảm bảo rằng các bên liên quan sẽ (x) không làm tăng mức độ rủi ro và (y) phải thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tổn thất có thể xảy ra. Bên Bán Hàng phải thực hiện hoặc hỗ trợ Bên Bao Thanh Toán một cách tối đa để thực hiện tất cả các quyền đối với Khoản Phải Thu từ (Các) Bên Mua Hàng và hoặc tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm (bao gồm nhưng không giới hạn ở việc khiếu nại (Các) Bên Mua Hàng, thực hiện quyền cầm cố hoặc các biện pháp bảo đảm khác);

If the Factor can reasonably anticipate that an event causing loss to the Receivables or the secured assets under the Security Agreement(s) may occur, the Seller shall and ensure that related parties shall (x) not increase the level of risk and (y) take all reasonable measures to prevent or mitigate potential losses. The Seller must fully cooperate with or support the Factor in exercising all rights concerning the Receivables from the Buyer(s) and/or the secured assets under the Security Agreement (including but not limited to filing claims against the Buyer(s), enforcing mortgages, or taking other security interests);

- (m) Bên Bán Hàng (hoặc bất kỳ đại diện hay đại lý nào của Bên Bán Hàng) phải tuân thủ các nghĩa vụ của mình được quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán với (Các) Bên Mua Hàng, tuân thủ pháp luật và quy định của các quốc gia có liên quan điều chỉnh việc thực hiện các giao dịch quy định Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán và duy trì các giấy phép nhập khẩu và xuất khẩu hợp pháp và có hiệu lực (nếu áp dụng);

The Seller (or any of its representatives or agents) shall comply with its obligations set forth in the Factored Agreement(s) with the Buyer(s), adhere to the laws and regulations of relevant jurisdictions governing the transactions under the Factored Agreement(s), and maintain legal and valid import and export permits (if applicable);

- (n) Bên Bán Hàng nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho Bên Bao Thanh Toán về bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào hoặc bất kỳ kiện tụng, thủ tục trọng tài hoặc xử lý vi phạm hành chính nào đang được tiến hành, chờ xử lý hoặc đang có nguy cơ chống lại hoặc có liên quan đến Bên Bán Hàng, (Các) Bên Mua Hàng và bên bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu có);

The Seller shall promptly notify the Factor in writing of any Event of Default or any ongoing, pending, or potential lawsuits, arbitration, or administrative proceedings against or involving the Seller, Buyer(s), or securing parties under the Security Agreement (if applicable);

- (o) Bên Bán Hàng duy trì sự tồn tại, tiến hành công việc kinh doanh theo cách thức phù hợp và hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật, quy chế, sự cho phép, thỏa thuận và nghĩa vụ được áp dụng đối với Bên Bán Hàng, và thanh toán mọi khoản thuế được ấn định đối với Bên Bán Hàng khi đến hạn thanh toán;

The Seller shall maintain its existence, conduct business operations in such manner as appropriate and efficient, comply with laws, regulations, permits, agreements, and obligations applicable to the Seller, and pay all taxes imposed on the Seller when due;

- (p) Bên Bán Hàng thông báo bằng văn bản cho Bên Bao Thanh Toán biết về bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với điều lệ công ty hoặc các tài liệu thành lập khác của Bên Bán Hàng mà có thể ảnh hưởng đến quyền của Bên Bao Thanh Toán trong vòng mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày có sửa đổi hoặc bổ sung hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

The Seller shall notify the Factor in writing of any amendments or supplements to its corporate charter or constitution documents that may affect the Factor's rights within fifteen (15) Business Days from the date of such amendments or supplements or their approval by the competent state authority.

- (q) Bên Bán Hàng duy trì và giữ biện pháp bảo đảm và/hoặc các tài sản bảo đảm theo (các) Hợp Đồng Bảo Đảm trong tình trạng tốt, thanh toán đầy đủ và đúng hạn mọi khoản tiền thuế, phí liên quan đến tài sản bảo đảm được quy định tại (các) Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu áp dụng);

The Seller shall maintain and safeguard the secured assets under the Security Agreement(s) in good standing, timely and fully pay all taxes and fees related to the secured assets, as stipulated in the Security Agreement(s) (if applicable);

- (r) Bên Bán Hàng đồng ý rằng sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm như được quy định tại Hợp Đồng này hoặc tại Hợp Đồng Bảo Đảm, Bên Bao Thanh Toán sẽ có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm ngay lập tức và theo cách thức mà Bên Bao Thanh Toán cho là phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn biện pháp cản trở từ sổ dư tài khoản của Bên Bán Hàng mở tại Bên Bao Thanh Toán, yêu cầu thực hiện biện pháp bảo lãnh và/hoặc bán các tài sản bảo đảm mà không có bất kỳ hạn chế nào, thực hiện việc đăng ký, chuyển giao quyền chiếm giữ, quyền sở hữu và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm, theo các quy định pháp luật có liên quan. Bên Bán Hàng sẽ chịu mọi chi phí hay phí tổn liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm được quy định tại câu liên trước;

The Seller agrees that upon the occurrence of an Event of Default, as defined in this Agreement or the Security Agreement, the Factor shall have the right to immediately enforce the secured assets as stipulated in the Security Agreement immediately and in such manner as deemed appropriate by the Factor, including but not limited to offset from the balance of the Seller's account balances with the Factor, requiring the execution of guarantees and/or selling the secured assets without any restrictions, carrying out the registration, assign of possession, ownership rights, and performing other procedures related to the enforcement of secured assets as per the Security Agreement, in accordance with applicable laws. The Seller shall bear all costs or expenses related to the enforcement of the secured assets as set forth in the previous sentence;

- (s) Bên Bán Hàng có nghĩa vụ phối hợp với Bên Bao Thanh Toán trong việc cung cấp đầy đủ, chính xác các tài liệu liên quan đến Khoản Phải Thu, Hợp Đồng này để Bên Bao Thanh Toán thực hiện thẩm định và quyết định việc giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán, kiểm tra, giám sát việc sử dụng Khoản Tiền Bao Thanh Toán, thanh toán Khoản Phải Thu của (Các) Bên Mua Hàng, hoặc để xác định một Sự Kiện Vi Phạm hoặc sự kiện gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đã xảy ra hay chưa;

The Seller has the obligation to cooperate with the Factor by providing accurate and complete documentation related to the Receivables and this Agreement, to enable the Factor to perform due diligence and make a decision regarding the disbursement of the Factoring Amount, monitor and supervise the use of the Factoring Amount, pay the Receivables of the Buyer(s), or to determine whether an Event of Default or a Material Adverse Effect has occurred;

- (t) Không có Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể nào đối với tình hình tài chính hoặc phi tài chính, tình hình hoạt động, kết quả hoạt động, tài sản hoặc triển vọng kinh doanh của Bên Bán Hàng.

There is no Material Adverse Effect on the financial or non-financial condition, operational status, performance, assets, or business prospects of the Seller;

- (u) Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Bao Thanh Toán, không thực hiện:

Without prior written consent from the Factor, the Seller shall not:

- (i) hợp nhất hoặc sáp nhập với bất kỳ tổ chức nào khác;
merge or consolidate with any other entity;
- (ii) tham gia vào bất kỳ hoạt động tái cơ cấu tổ chức nào;
engage in any corporate restructuring activities;
- (iii) thay đổi cổ đông, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu;
change shareholders, partners, capital contributors, or owners;
- (iv) thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật;
change the name, registered address, business lines, charter capital, or legal representative;
- (v) thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng;
change the purpose, scale of the project, business, production, or service plan granted by the facility;
- (vi) có những bước chuẩn bị để thanh lý, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động;
take steps to liquidate, dissolve, or cease operations;
- (vii) thay đổi cơ bản lĩnh vực kinh doanh; hoặc
fundamentally change the business lines; or

- (viii) bán, chuyển giao, chuyển nhượng, giải quyết hoặc thanh lý toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh hoặc các tài sản.

sell, transfer, assign, dispose of, or liquidate all or part of its business operations or assets.

8.2. Phòng, Chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

Anti-money laundering, Counter-Terrorism Financing, and Counter-Proliferation Financing of Weapons of Mass Destruction:

Bất kỳ và tất cả mọi hoạt động của Bên Bán Hàng, các công ty con của Bên Bán Hàng và công ty liên kết của Bên Bán Hàng đang và tại mọi thời điểm đã tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về báo cáo và lưu giữ tài chính đang áp dụng và luật chống rửa tiền và các quy định và quy chế về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và bất kỳ quy định, quy chế hoặc hướng dẫn nào tương tự hoặc có liên quan được ban hành, thi hành hoặc thực thi bởi bất kỳ cơ quan chính quyền nào có thẩm quyền đối với Bên Bán Hàng, đối với bất kỳ công ty con nào của Bên Bán Hàng hoặc đối với các công ty liên kết của Bên Bán Hàng hoặc (gọi chung là “**Luật Chống Rửa Tiền**”) và không có bất kỳ hành động, vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng nào bởi hoặc trước bất kỳ tòa án hoặc cơ quan chính phủ, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan hoặc trọng tài nào liên quan đến Bên Bán Hàng, đến công ty con của Bên Bán Hàng, đến công ty liên kết của Bên Bán Hàng hoặc liên quan đến Luật Chống Rửa Tiền đang chờ xử lý hoặc có nguy cơ được tiến hành.

*Any and all of the activities of the Seller, its subsidiaries and its affiliates, are and at all times have been in strict compliance with the applicable financial report and filing requirements and the law on anti-money laundering and other regulations and rules related to anti-money laundering, counter-terrorism financing, and counter-proliferation financing of weapons of mass destruction, and any other similar or relevant regulations or guidelines issued, enforced or performed by any governmental authorities having jurisdiction with respect to the Seller, its subsidiaries and its affiliates (collectively, “**Anti-Money Laundering Laws**”) and there are no actions, proceedings or juridical procedures conducted with any courts or governmental authorities or relevant authorities or arbitral organizations against the Seller, its subsidiaries and its affiliates relating to the Anti-Money Laundering Laws which are pending or are threaten to be conducted.*

8.3. Tuân thủ FATCA

FATCA Compliance:

- (a) “**FATCA**” có nghĩa là:

“FATCA” means:

- (i) các điều khoản từ 1471 đến 1474 của Bộ Luật Doanh Thu Nội Bộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ năm 1986 (*US Internal Revenue Code of 1986*) hoặc bất cứ các quy định liên quan nào;

clause 1471 to clause 1474 of the US Internal Revenues Code of 1986 or any other relevant regulations;

- (ii) bất cứ các hiệp định, luật hoặc các quy định nào được ban hành tại bất cứ vùng tài phán nào khác hoặc liên quan đến một hiệp định liên chính phủ giữa Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ (US) và vùng tài phán khác (trong bất cứ trường hợp nào) để tạo điều kiện thực hiện các luật hoặc các quy định tại đoạn (a) ở trên; hoặc

any other treaties, laws or regulations issued in any other jurisdiction or relating to a joint governmental treaty entered into between the United States and other jurisdictions (in any event) in order to facilitate the enforcement of the laws or regulations referred to in paragraph (a) above; or

- (iii) bất cứ thỏa thuận nào để thực hiện bất cứ các hiệp định, luật, các quy định được dẫn chiếu tại đoạn (a) hoặc (b) ở trên với Dịch Vụ Doanh Thu Nội Bộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (*US Internal Revenue Service*) hoặc chính phủ Hoa Kỳ hoặc cơ quan chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền về thuế ở bất cứ vùng tài phán nào khác.

any agreement in order to enforce any treaty, law and regulations referred to in paragraphs (a) and (b) above with the US Internal Revenue Services or the United States government or any other governmental or tax authority of any other jurisdiction.

- (b) Trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán, Bên Bán Hàng có nghĩa vụ cung cấp các văn bản tài liệu và các thông tin khác liên quan đến tình trạng của mình theo quy định của FATCA nhằm mục đích chứng minh Bên Bán Hàng tuân thủ các yêu cầu của FATCA; đồng thời thực hiện việc điền đầy đủ các biểu mẫu có liên quan đến việc tuân thủ FATCA và gửi đến Bên Bao Thanh Toán.

Within five (05) Business Days from the date of receipt of the Factor's request, the Seller is liable to provide written documents and other information relating to its status in accordance with FATCA for the purposes of evidencing its compliance to the FATCA requests; and simultaneously complete all of the relevant forms relating to the FATCA compliance for sending to the Factor.

- (c) Bên Bao Thanh Toán có quyền thực hiện việc khấu trừ các tài khoản (kể cả tài khoản vay) của Bên Bán Hàng để thực hiện các yêu cầu tuân thủ FATCA trong trường hợp xác định Bên Bán Hàng thuộc đối tượng bị khấu trừ tài khoản theo FATCA.

The Factor is entitled to deduct any amount (including the loan) of the Seller in order to comply with FATCA in case the Seller is subject to the account deduction in accordance with FATCA.

8.4. Chuyển giao Khoản Phải Thu Và Tài Khoản Thanh Toán

Assignment of Receivables and Payment Account

- (a) Để Bên Bao Thanh Toán thực hiện việc cung cấp Bao Thanh Toán cho Bên Bán Hàng, Bên Bán Hàng bằng Hợp Đồng này sẽ chuyển giao toàn bộ quyền của mình đối với Khoản Phải Thu, bao gồm nhưng không giới hạn, các quyền nhận, quyền truy đòi, quyền yêu cầu thanh toán đối với Khoản Phải Thu cho Bên Bao Thanh Toán mà không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Bên Bao Thanh Toán.

For the purposes of the Factoring as provided by the Factor to the Seller, the Seller hereby agrees to assign all of its rights to the Receivables, including but not limited to the rights to receive, recourse, and request payment for the Receivables to the Factor for zero remuneration payable by the Factor, subject to the terms of this Agreement and Factoring.

- (b) Trong vòng [***] Ngày Làm Việc kể từ Ngày Hiệu Lực, Bên Bán Hàng sẽ gửi hai (2) bản gốc Thông Báo Bao Thanh Toán theo hình thức thông báo quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng (nếu áp dụng theo yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán). Tùy vào quyết định của Bên Bao Thanh Toán, Bên Bao Thanh Toán có thể gửi một (1) bản gốc Thông Báo Bao Thanh Toán cho Bên Mua Hàng, hoặc yêu cầu Bên Bán Hàng gửi một (1) bản gốc Thông Báo Bao Thanh Toán cho Bên Mua Hàng, trong mỗi trường hợp, bằng hình thức quy định tại Điều 19(a) của Hợp Đồng này.

*No later than [***] Business Days from the Effective Date, the Seller shall deliver two (2) originals of the Factoring Notice using the form prescribed in Appendix II of this Agreement (if applicable upon request of the Factor). The Factor, at its sole discretion, may deliver one (1) original of the Factoring Notice to the Buyer, or request the Seller to deliver one (1) original of the Factoring Notice to the Buyer, in each case, in accordance with the delivery modes provided under Article 19(a) of this Agreement.*

- (c) Bên Bán Hàng cam kết rằng tất cả Khoản Phải Thu sẽ được (Các) Bên Mua Hàng chuyển vào Tài Khoản Thanh Toán theo quy định tại Thông Báo Bao Thanh Toán.

The Seller shall procure that all Receivables shall be transferred by the Buyer(s) into the Collection Account pursuant to the Factoring Notice.

- (d) Bên Bán Hàng đồng ý rằng Bên Bán Hàng không được phép rút tiền trong tài khoản nêu trên nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên Bao Thanh Toán. Bên Bán Hàng không được phép sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến và chức năng thẻ ngân hàng khi điền vào biểu mẫu đăng ký mở tài khoản ngân hàng.

The Seller agrees that it is not permitted to withdraw the amount from the above-mentioned account without the written consent of the Factor. The Seller is not allowed to use online banking services or the bank card functionality when filling out the Factor account opening application form.

8.5. Tranh chấp thương mại

Commercial Disputes

- (a) Nếu Bên Bán Hàng biết hoặc buộc phải biết bất kỳ thông báo, thông tin nào liên quan đến tranh chấp liên quan đến Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán, bao gồm nhưng không giới hạn các tranh chấp liên quan đến:

If the Seller becomes aware or should have become aware of any notice or information regarding a dispute related to the Factored Agreement(s), including but not limited to disputes regarding:

- (i) yêu cầu tuyên bố Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán bị vô hiệu, hủy bỏ, chấm dứt, hủy ngang hoặc, chưa rằng buộc pháp lý đối với các bên tham gia;

a request to declare the Factored Agreement(s) invalid, canceled, terminated, rescinded, or not legally binding on the parties involved;

- (ii) yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của Bên Bán Hàng đối với (Các) Bên Mua Hàng, việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ của Bên Bán Hàng đối với (Các) Bên Mua Hàng;

a request for the performance of the Seller's obligations to the Buyer(s), or any delay in the performance of the Seller's obligations to the Buyer(s);

- (iii) việc (Các) Bên Mua Hàng từ chối hoặc không chấp nhận sản phẩm, dịch vụ do Bên Bán Hàng cung cấp theo Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán;

the Buyers' refusal or failure to accept the products or services provided by the Seller under the Factored Agreement(s);

- (iv) việc (Các) Bên Mua Hàng thanh toán cho Bên Bán Hàng không theo quy định tại Hợp Đồng này và Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán;

the Buyers' failure to make payments to the Seller under the provisions of this Agreement and the Factored Agreement(s);

- (v) việc (Các) Bên Mua Hàng khởi kiện hoặc nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại liên quan đến Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán với Bên Bán Hàng;

the Buyer(s) initiating a lawsuit or lodging a petition for dispute resolution by commercial arbitration related to the Factored Agreement(s) with the Seller;

- (vi) việc (Các) Bên Mua Hàng yêu cầu thay đổi điều khoản giao dịch được quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán hoặc yêu cầu giảm giá trị Khoản Phải Thu;

the Buyer(s) requesting changes to the terms of the transaction specified in the Factored Agreement(s) or requesting a reduction in the value of the Receivables;

- (vii) việc (Các) Bên Mua Hàng từ chối thanh toán Khoản Phải Thu do hành vi cố ý vi phạm hoặc sơ suất của Bên Bán Hàng;

the Buyer(s) refusing to pay the Receivables due to the wilful misconduct or negligence of the Seller;

- (viii) liên quan đến tính hợp pháp, hành vi giả mạo đối với Khoản Phải Thu;

any matter concerning the legality or falsification of the Receivables;

- (ix) các tranh chấp khác giữa Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng liên quan đến Khoản Phải Thu,

other disputes between the Seller and the Buyer(s) related to the Receivables,

thì Bên Bán Hàng phải gửi văn bản thông báo cùng với phương án giải quyết tranh chấp tới Bên Bao Thanh Toán trong thời gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp không chậm hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên Bán Hàng biết hoặc buộc phải biết có tranh chấp đó xảy ra. Nếu Bên Bán Hàng không thông báo cho Bên Bao Thanh Toán trong thời hạn nêu trên hoặc phương án giải quyết không được Bên Bao Thanh Toán chấp thuận, sẽ được xem là Sự Kiện Vi Phạm và Bên Bao Thanh Toán có quyền thu hồi Nợ Bao Thanh Toán trước hạn theo quy định tại Điều 9.2 của Hợp Đồng này.

the Seller must send a written notice along with a proposed resolution of the dispute to the Factor as soon as possible, but in any case, no later than fifteen (15) days from the date the Seller becomes aware or should have become aware of the dispute. If the Seller fails to notify the Factor within the specified period or the proposed resolution is not approved by the Factor, it shall be deemed an Event of Default and the Factor has the right to collect early the Factoring Debt under Clause 9.2 of this Agreement.

- (b) Không ảnh hưởng đến các quyền khác của Bên Bao Thanh Toán quy định tại Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán, nếu Bên Bao Thanh Toán nhận được thông báo về bất kỳ tranh chấp thương mại nào như được quy định Điều 8.5(a) từ Bên Bán Hàng, Bên Bao Thanh Toán sẽ có quyền:

Without prejudice to the other rights of the Factor under this Agreement and Factoring Documents, if the Factor receives any commercial dispute notice as required in Article 8.5(a) from the Seller, the Factor shall be entitled to:

- (i) trong trường hợp Bên Bao Thanh Toán đã nhận được Yêu Cầu Bao Thanh Toán từ Bên Bán Hàng liên quan đến Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán là đối tượng của tranh chấp thương mại đó và chưa giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán cho Bên Bán, từ chối giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán theo Yêu Cầu Bao Thanh Toán đó;

in case where the Factor has received a Factoring Request from the Seller with respect to the Factored Agreement which is the subject of such commercial dispute and the Factoring Amount has not been disbursed to the Seller, refuse the disbursement of the Factoring Amount under such Factoring Request;

- (ii) trong trường hợp Bên Bao Thanh Toán đã giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán liên quan đến Hợp Đồng Bao Thanh Toán là đối tượng của tranh chấp thương mại đó, và tranh chấp thương mại đó chưa được khắc phục hoặc giải quyết bởi Bên Bán Hàng và (Các) Bên Mua Hàng trong vòng ba mươi [30] ngày kể từ ngày Bên Bao Thanh Toán nhận được thông báo,

in case where the Factor has disbursed the Factoring Amount with respect to the Factored Agreement which is the subject of such commercial dispute and such commercial dispute has not been rectified or resolved by the Seller and the Buyer(s) within thirty [30] days upon the Factor's receipt of such notice,

- (A) thu hồi (các) Khoản Phải Thu vào ngày đến hạn Thời Hạn Thanh Toán Khoản Phải Thu từ (Các) Bên Mua Hàng; và/hoặc

collect the Receivables on the expiry date of the Receivables Payment Term from the Buyer(s); and/or

(B) thu hồi Nợ Bao Thanh Toán trước hạn từ Bên Bán Hàng.

accelerate the repayment of the Factoring Debt from the Seller.

9. SỰ KIỆN VI PHẠM VÀ HẬU QUẢ

EVENT OF DEFAULT AND CONSEQUENCES

9.1. Sự Kiện Vi Phạm

Events of Default

Bất kỳ sự kiện nào sau đây ("**Sự Kiện Vi Phạm**") sẽ được xem là một sự kiện vi phạm theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán liên quan:

*Any of the following events ("**Event of Default**") shall be deemed an event of default under this Agreement and the related Factoring Documents:*

- (a) Bên Có Nghĩa Vụ không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn hoặc phải thanh toán theo Hợp Đồng này hoặc theo các Tài Liệu Bao Thanh Toán liên quan bằng đồng tiền và theo cách thức được quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Bao Thanh Toán;

An Obligor fails to pay any amount when due or payable hereunder or under the related Factoring Documents, in the currency and in the manner specified herein and/or the Factoring Documents; or

- (b) Bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào không thực hiện, không tuân thủ, hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ hoặc cam kết tương ứng nào của mình đối với Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Bao Thanh Toán liên quan nào mà Bên Có Nghĩa Vụ đó là một bên tham gia;

Any Obligor fails to perform, comply with, or breaches any of its obligations or undertaking to the Factor hereunder or under any related Factoring Documents to which the Obligor is a party;

- (c) Bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc cam kết nào được lập hoặc xem như được lập bởi Bên Bán Hàng nào tại hoặc liên quan đến Hợp Đồng này hoặc tại các Tài Liệu Bao Thanh Toán hoặc tại bất kỳ thông báo, chứng nhận, văn kiện hoặc văn bản báo cáo nào theo Hợp Đồng này, là hoặc được chứng minh là không chính xác hoặc có sai lệch trên bất kỳ khía cạnh quan trọng nào;

Any representation, warranty or undertaking made or deemed to be made by the Seller under or in connection with this Agreement or in the Factoring Documents or in any of its notice, certificate, instrument or written statement pursuant thereto is or proves to be inaccurate or misleading in any material respect; or

- (d) Bên Có Nghĩa Vụ vi phạm hoặc nhận được thông báo vi phạm theo bất kỳ hợp đồng nào hoặc bất kỳ khoản nợ nào của Bên Có Nghĩa Vụ trở nên đến hạn và phải thanh toán trước ngày đến hạn của những khoản nợ đó (ngoài lý do vì tính bất hợp pháp của khoản nợ đó) hoặc bất kỳ biện pháp cầm giữ, bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác do Bên Có Nghĩa Vụ đã tạo lập hoặc sẽ tạo lập bị xử lý bởi bất kỳ bên thứ ba nào;

The Obligor breaches or receives notice of breach under any contract, or any debt of the Obligor becomes due and payable prior to its specified maturity (other than by reason of illegality in relation to such debt), or any lien, guarantee, or other security measure created or to be created by the Obligor is enforced by any third party;

- (e) Bên Bán Hàng ngừng hoặc ngưng thanh toán cho các bên cho vay khác hoặc không có khả năng hoặc thừa nhận không còn khả năng thanh toán nợ của bên cho vay đó khi đến hạn hoặc tìm cách ký kết bất kỳ thỏa hiệp nào hay thu xếp khác với các bên cho vay, hoặc Bên Bán Hàng đang trong tình trạng có khả năng bị phá sản, hoặc bị tuyên bố phá sản hay vỡ nợ;

The Seller ceases or suspends payments to its creditors or is unable or admits its inability to pay its debts as they fall due or seeks to enter into any composition or other arrangement with its creditors, or is on the brink of the bankruptcy or is declared or becomes bankrupt or insolvent;

- (f) Bất kỳ đơn khởi kiện nào được nộp hoặc một thủ tục tố tụng được tiến hành hoặc một nghị quyết có hiệu lực được thông qua hoặc bất kỳ một thủ tục tố tụng nào khác được thực hiện bởi bất kỳ bên thứ ba nào nhằm mục đích thanh lý, cơ cấu lại, xây dựng lại, tái cấu trúc, chuyển nhượng, thay đổi cơ cấu sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, giải thể hoặc phá sản một Bên Có Nghĩa Vụ;

A petition is filed, proceeding is initiated, resolution is passed, or any other procedure is taken by a third party for the liquidation, restructuring, reorganization, transfer, change in direct or indirect ownership structure, dissolution, or bankruptcy of an Obligor;

- (g) Tại bất kỳ thời điểm nào và vì bất cứ lý do nào, việc bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào thực thi hoặc thực hiện hoặc tuân thủ bất kỳ hoặc tất cả các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này; hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào đối với Khoản Tiền Bao Thanh Toán trở nên bất hợp pháp; hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của bất cứ Bên Có Nghĩa Vụ nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Bao Thanh Toán liên quan nào không có hoặc không còn tính hợp pháp, hiệu lực và tính ràng buộc;

At any time and for any reason, it becomes unlawful for any Obligor to exercise or perform or comply with any or all of its obligations under this Agreement; or any security interests applicable to the Factoring Amount becomes unlawful; or any of the obligations of any Obligor under this Agreement or any related Factoring Documents is not or ceases to be legal, valid and binding; or

- (h) Bên Có Nghĩa Vụ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc bất kỳ phần đáng kể nào trong hoạt động kinh doanh của mình, hoặc thay đổi hoặc có nguy cơ thay đổi tính chất hay phạm vi kinh doanh của mình, hoặc một Bên Có Nghĩa Vụ bị xử lý hoặc có nguy cơ bị xử lý bất kỳ phần đáng kể nào trong hoạt động kinh doanh hoặc tài sản của mình, hoặc Bên Bán Hàng có sự thay đổi quyền kiểm soát;

An Obligor ceases or threatens to cease to carry on its business or any substantial part thereof, or changes or threatens to change the nature of scope of its business, or an Obligor disposes of or threatens to dispose of any substantial part of its business or assets, or the Seller has any change of control;

- (i) Bên Bán Hàng ngừng sử dụng khu đất và/hoặc bị bất kỳ bên thứ ba nào có thẩm quyền tịch thu và/hoặc bị ngăn chặn sử dụng khu đất mà trên đó hiện đang tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình;

The Seller ceases to use the land and/or such land has been revoked by an authorized third party and/or the Seller is prevented to use such land on which its business operations are presently conducted;

- (j) Chính phủ hoặc Cơ Quan Nhà Nước Việt Nam quy định giới hạn về việc hoàn trả nợ hoặc phong tỏa tài sản, quốc hữu hóa, tịch thu, thu giữ hoặc kiểm soát hoặc bằng cách khác trưng dụng toàn bộ hoặc phần đáng kể của cải, tài sản hoặc hàng tồn kho của Bên Có Nghĩa Vụ hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác mà có thể ngăn cản đáng kể không cho hoặc hạn chế Bên Có Nghĩa Vụ tiếp tục kinh doanh theo cách thức mà Bên Có Nghĩa Vụ hiện đang thực hiện;

The Vietnamese government or Governmental Authority imposes restrictions on debt repayment, freezes assets, nationalizes, confiscates, or otherwise requisitions all or a significant portion of the Obligor's property, assets, or inventory, or takes actions that significantly hinder or restrict the Obligor's ability to continue its current business operations;

- (k) Có bất kỳ sửa đổi, bãi bỏ, từ bỏ hoặc thu hồi nào được áp dụng đối với điều lệ công ty của Bên Có Nghĩa Vụ hoặc bất kỳ tài liệu thành lập nào của Bên Có Nghĩa Vụ mà có thể ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Bao Thanh Toán nào liên quan;

There is any amendment, annulment, abandonment or revocation of an Obligor's charter or any of its founding documents which may affect the execution and implementation of this Agreement or any related Factoring Documents;

- (l) Một vi phạm của bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào trong việc thực hiện, tuân thủ hoặc đáp ứng bất kỳ điều khoản nào của bất cứ Hợp Đồng, Tài Liệu Bao Thanh Toán hoặc văn kiện nào khác đã xảy ra và đang tiếp diễn;

Any breach by any Obligor of its obligations relating to the performance, compliance or fulfillment of any term of this Agreement, any Factoring Documents, or other related instruments occurred and is continuing;

- (m) Xảy ra bất kỳ tình huống nào mà theo ý kiến của Bên Bao Thanh Toán, được lấy làm căn cứ để tin rằng một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đã xảy ra và đang tiếp diễn đối với bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào;

Any circumstances arises where, in the Factor's opinion, a Material Adverse Effect has occurred and is continuing with respect to any Obligor ; or

- (n) Bên Bán Hàng có một hoặc một số khoản cấp tín dụng bị chuyển sang nợ quá hạn tại Bên Bao Thanh Toán hoặc tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào khác mà Bên Bao Thanh Toán có cơ sở để biết được;

The Seller has one or more credit converted into overdue debt at the Factor or at any other credit institutions, foreign bank branches which the Factors may be acknowledged;

- (o) Theo đánh giá hợp lý của Bên Bao Thanh Toán, tài sản bảo đảm theo quy định tại (các) Hợp Đồng Bảo Đảm bị giảm giá trị, bị hủy hoại, bị giải tỏa, bị thu hồi đền bù giải tỏa hoặc bị thiệt hại nghiêm trọng nhưng Bên Có Nghĩa Vụ không bổ sung hoặc thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán;

In the Factor's reasonable opinion, the secured assets under the Security Agreement(s) has depreciated, been destroyed, resettled, compensated for resettlement, or seriously damaged, and the Obligor fails to supplement or replace the secured assets as requested by the Factor;

- (p) Việc duy trì Hợp Đồng này theo nhận định của Bên Bao Thanh Toán có thể dẫn đến việc Bên Bao Thanh Toán vi phạm các quy định của Luật Áp Dụng, quy định của Bên Bao Thanh Toán hoặc quy định của Cơ Quan Nhà Nước;

In the Factor's opinion, the continuance of this Agreement may cause the Factor to violate Applicable Law, its internal policies, or regulations of Governmental Authority;

- (q) Bên Có Nghĩa Vụ vi phạm Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc Tài Liệu Bao Thanh Toán hoặc bất cứ thoả thuận, cam kết nào khác với Bên Bao Thanh Toán.

The Obligor breaches this Agreement, the Security Agreement or Factoring Documents, or any other agreement and undertaking with the Factor.

9.2. Xử Lý Sự Kiện Vi Phạm

Remedies for Events of Default

Khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm, Bên Bao Thanh Toán sẽ:

Upon the occurrence of an Event of Default, the Factor shall:

- (a) thông báo cho Bên Bán Hàng về việc ("**Thông Báo Thu Hồi Nợ Trước Hạn**"):

*notify the Seller of the following ("**Acceleration Notification**"):*

- (i) chấm dứt việc giải ngân Khoản Tiền Bao Thanh Toán chưa được giải ngân;
suspend the disbursement of any Factoring Amount that has not been disbursed;
- (ii) chấm dứt việc Bao Thanh Toán và thu hồi nợ trước hạn đối với Nợ Bao Thanh Toán và Ngày Hoàn Trả đối với Nợ Bao Thanh Toán.
terminate the Factoring and accelerate the repayment of the Factoring Debt and Repayment Date of the Factoring Debt.

- (b) thu hồi nợ trước hạn
debt acceleration

Bên Bán Hàng có nghĩa vụ ngay lập tức hoàn trả toàn bộ Nợ Bao Thanh Toán và các chi phí, phí tổn phát sinh hợp lý của Bên Bao Thanh Toán cho Bên Bao Thanh Toán theo Thông Báo Thu Hồi Nợ Trước Hạn. Nếu Bên Bán Hàng không thanh toán toàn bộ Nợ Bao Thanh Toán và các chi phí, phí tổn nêu trên trong thời hạn được quy định tại Thông Báo Thu Hồi Nợ Trước Hạn, Bên Bao Thanh Toán được quyền chuyển toàn bộ số tiền trên thành Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn theo quy định tại Điều 5.4 của Hợp Đồng này vào bất kỳ thời điểm nào, dù có phải là Ngày Làm Việc hay không, theo quy định nội bộ của Bên Bao Thanh Toán trên cơ sở tuân thủ quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam và Luật Áp Dụng.

the Seller must immediately repay the entire Factoring Debt and all reasonable costs and expenses incurred by the Factor as per the Acceleration Notification. If the Seller fails to repay any amount in the Factoring Debt and related costs and expenses within the period specified in the Acceleration Notification, the Factor is entitled to convert such amounts as Overdue Factoring Debt pursuant to Clause 5.4 of this Agreement at any time, whether or not the such conversion will occur on a Business Day, in accordance with the internal policies of the Factor, provided that it complies with the regulations of the State Bank of Vietnam and the Applicable Law.

- (c) ngay lập tức thực thi tất cả các quyền và biện pháp khắc phục theo Hợp Đồng này và/hoặc theo Tài Liệu Bao Thanh Toán Khác và bất kỳ hoặc toàn bộ biện pháp bảo đảm được quy định Hợp Đồng Bảo Đảm.

immediately enforce all rights and remedies under this Agreement and/or Factoring Documents and any or all security interests under the Security Agreement(s).

- (d) Để làm rõ, khi thực hiện các quyền của Bên Bao Thanh Toán được quy định ở trên, Bên Bao Thanh Toán vẫn có quyền yêu cầu (Các) Bên Mua Hàng hoàn trả Khoản Phải Thu theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp Đồng này. Nếu tổng số tiền Bên Bao Thanh Toán nhận từ Bên Bán Hàng, hoặc (Các) Bên Mua Hàng, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp Đồng Bảo Đảm lớn hơn Nợ Bao Thanh Toán hoặc Nợ Bao Thanh Toán Quá Hạn (nếu áp dụng), Bên Bao Thanh Toán sẽ:

For avoidance of doubt, when exercising the rights above, the Factor shall reserve its right to demand payment of the Receivables by the Buyer(s) under Clause 5.1 of this Agreement. If the total amounts received by the Factor from the Seller, or the Buyer(s), or the disposal of secured assets under the Security Agreement exceeds the Factoring Debt or Overdue Factoring Debt (if applicable), the Factor shall:

- (i) hoàn trả khoản chênh lệch cho Bên Bán Hàng và Bên Bán Hàng chịu trách nhiệm giải quyết khoản tiền chênh lệch này với các Bên Có Nghĩa Vụ liên quan; và
return the excess amount to the Seller and the Seller shall be responsible for settling such excess amount with the relevant Obligors; and

- (ii) hỗ trợ Bên Bán Hàng, trong phạm vi hợp lý, trong việc thông báo tới (Các) Bên Mua Hàng về việc hoàn trả lại Khoản Phải Thu còn tồn đọng cho Bên Bán Hàng và hoàn trả các tài liệu liên quan đến Khoản Phải Thu cho Bên Bán Hàng.

provide reasonable assistance to the Seller in notifying the Buyer(s) to return any remaining Receivables to the Seller and return related documents to the Seller.

10. BÙ TRỪ**OFFSET**

Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bất cứ khoản tiền nào đến hạn mà Bên Bán Hàng phải thanh toán cho Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hợp đồng nào khác chưa được thanh toán hoặc một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra hoặc đang tiếp diễn, thì Bên Bán Hàng sẽ đồng ý, ủy quyền và chỉ thị không hủy ngang và vô điều kiện cho Bên Bao Thanh Toán bù trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên Bao Thanh Toán còn nợ Bên Bán Hàng hoặc bất kỳ khoản tiền nào mà Bên Bán Hàng giữ để ghi có vào (các) tài khoản của Bên Bán Hàng với khoản tiền mà Bên Bán Hàng chưa thanh toán hoặc tự động khấu trừ vào (các) tài khoản của Bên Bán Hàng mở tại Bên Bao Thanh Toán nhằm thanh toán khoản tiền chưa thanh toán đó.

If at any time any amount to be due from the Seller to the Factor under this Agreement or any other agreement becomes due and remains unpaid or an Event of Default occurred or is occurring, the Seller shall irrevocably and unconditionally approve, authorise and instruct the Factor to offset any amounts owing by the Factor to the Seller or held by the Factor for credit of the Seller's account(s) against the amount unpaid by the Seller or automatically deducted from the Seller's account(s) opened at the Factor for the unpaid amount.

11. CHẬM TRỄ VÀ KHƯỚC TỪ**DELAY AND WAIVER**

- (a) Việc Bên Bao Thanh Toán chậm thực hiện hoặc bỏ qua không thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào cho Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ không làm giảm giá trị bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên Bao Thanh Toán có được một cách hợp pháp hoặc sẽ không được hiểu là khước từ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục đó.

No delay or omission by the Factor to exercise any right, power or remedy under this Agreement or any security interests for the Factoring Amount shall impair any right, power, or remedy legally available to the Factor nor shall it be construed as a waiver thereof.

- (b) Việc chậm trễ hoặc chưa thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hay yêu cầu biện pháp khắc phục nào của Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, quyền hạn hay quyền yêu cầu khắc phục nào của Bên Bao Thanh Toán và cũng không được xem là Bên Bao Thanh Toán khước từ các quyền đó của mình. Bất kỳ việc khước từ một vi phạm đơn lẻ hoặc Sự Kiện Vi Phạm nào khác theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho cho Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ không được xem là khước từ bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào khác. Mọi quyền yêu cầu biện pháp khắc phục của Bên Bao Thanh Toán là cộng dồn và không phải là duy nhất. Bất kỳ khước từ, phê chuẩn, chấp thuận nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Khoản Tiền Bao Thanh Toán phải được lập bằng văn bản thì mới có hiệu lực.

No delay or omission by the Factor to exercise any right, power, or remedy under this Agreement or any security interests for the Factoring Amount shall impair any right, power, or remedy available to the Factor nor shall it be construed as a waiver thereof. No waiver of any single breach or Event of Default under this Agreement or any security interests for the Factoring Amount shall be deemed a waiver of any other Event of Default. All remedies afforded to the Factor shall be cumulative and not exclusive. Any waiver, consent, or approval under this Agreement or any security for the Factoring Amount must be in writing to be effective.

12. BẢO MẬT VÀ TIẾT LỘ THÔNG TIN**CONFIDENTIALITY AND DISCLOSURE**

- (a) Bên Bán Hàng đồng ý với Bên Bao Thanh Toán rằng trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này, Bên Bán Hàng và các nhân viên, đại lý của Bên Bán Hàng không được tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào cho bất kỳ bên thứ ba nào về các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này hoặc tình hình các giao dịch được dự liệu tại Hợp Đồng này trừ phạm vi được quy định bởi luật, yêu cầu trong quá trình tố tụng pháp lý của tòa án hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước nào phù hợp với luật pháp Việt Nam hoặc trừ phạm vi cần thiết để thực hiện các giao dịch được dự liệu tại Hợp Đồng này.

The Seller agrees with the Factor that during the term of validity of this Agreement, the Seller and the Seller's employees and agents shall not make any disclosure of whatever nature to any third party as to the terms and conditions of this Agreement or the status of the transactions contemplated herein except to the extent required by law, court legal process or any government body pursuant to the laws of Vietnam or to the extent necessary to carry out the transactions contemplated herein.

- (b) Khi Bên Bán Hàng cần thiết phải tiết lộ thông tin theo quy định tại đoạn (a) nêu trên, Bên Bán Hàng phải thông báo bằng văn bản cho Bên Bao Thanh Toán ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc trước khi tiến hành tiết lộ thông tin. Thông báo cho Bên Bao Thanh Toán ít nhất phải bao gồm nội dung về thông tin sẽ tiết lộ, người sẽ tiếp nhận thông tin tiết lộ và căn cứ, lý do tiết lộ thông tin, cùng các giấy tờ/tài liệu khác theo yêu cầu của Bên Bao Thanh Toán tùy từng thời điểm.

In the event that the Seller is required to disclose any information paragraph (a) set out above, the Seller shall notify the Factor in writing at least five (05) Business Days prior to the date of disclosure. The written notice to the Factor shall include, to the minimum, the contents of the information proposed to be disclosed, the proposed recipients, and the reasons for such disclosure, enclosed with other documents as may be required by the Factor from time to time.

- (c) Bất kể có những quy định nào trái với điều khoản này, Bên Bao Thanh Toán, dựa trên sự xem xét của riêng mình, có thể tiết lộ bất cứ thông tin nào về Bên Bán Hàng và/hoặc bên bảo lãnh cho ngân hàng mẹ, các công ty con, các công ty liên kết và các bên tư vấn của Bên Bao Thanh Toán và các cán bộ, nhân viên hoặc người đại diện của các tổ chức kể trên mà Bên Bao Thanh Toán thấy cần thiết nhằm phục vụ cho các giao dịch của Bên Bán Hàng hoặc xác nhận tính hiệu lực của bất kỳ tài liệu, chứng từ pháp lý nào trong điều kiện hoạt động bình thường. Bên Bán Hàng sẽ khước từ quyền lợi của mình liên quan đến việc bảo mật thông tin riêng tư trong các trường hợp kể trên và đồng ý với việc tiết lộ thông tin được quy định tại Hợp Đồng này.

Notwithstanding anything to the contrary herein, the Factor, at its sole discretion, may disclose any information about the Seller and/or the guarantor(s), to the Factor's parents, subsidiaries, affiliates and consultants, and their respective officers, employees, and agents to the extent necessary for the Factor to service the Seller's transactions or to effectuate any legal documents in the course of ordinary business. The Seller hereby waives its respective rights to privacy of its personal information and hereby consents to such disclosure as prescribed herein.

- (d) Bên Bao Thanh Toán có quyền tiết lộ thông tin cho bất cứ bên thứ ba nào khác:

The Factor may disclose to any other third party:

- (i) mà Bên Bao Thanh Toán chuyển nhượng hoặc chuyển giao (hoặc có thể sẽ chuyển nhượng hoặc chuyển giao) hoặc thông qua những bên này để chuyển nhượng/chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm;

to (or through) whom that the Factor assigns or transfers (or may potentially assign or transfer) all or any of its rights and obligations under this Agreement and Security Agreements;

- (ii) mà Bên Bao Thanh Toán ký kết (hoặc có thể sẽ ký kết) tài trợ gián tiếp hoặc bất kỳ giao dịch nào khác hoặc thông qua những bên này để ký kết tài trợ gián tiếp/bất kỳ giao dịch nào khác mà việc thanh toán sẽ được đề cập hoặc tham chiếu đến Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc Bên Bán Hàng;

with (or through) whom that the Factor enters into (or may potentially enter into) for indirect financing or any other transactions under which payments are to be made by reference to, this Agreement and the Security Agreements or the Seller;

- (iii) mà luật pháp hoặc quy định hiện hành, và trong phạm vi như thế, yêu cầu phải tiết lộ những thông tin đó cho (những) bên đó bất kỳ thông tin nào về Bên Bán Hàng và Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm và/hoặc các Tài Liệu Bảo Thanh Toán mà Bên Bao Thanh Toán cho là phù hợp.

to whom, and to the extent that, information of the Seller and this Agreement and Security Agreement and/or Factoring Documents, as deemed appropriate by the Factor, is required to be disclosed by any applicable law or regulation.

13. **HOÀN CẢNH THAY ĐỔI**

CHANGES IN CIRCUMSTANCES

Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu Bên Bao Thanh Toán quyết định rằng việc ban hành, quy định hoặc thay đổi bất kỳ quy định của pháp luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, văn bản pháp quy, quy chế hoặc chỉ thị chính thức nào (dù có hiệu lực pháp lý hay không), hoặc bất kỳ thay đổi nào về cách diễn giải hoặc áp dụng luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, lệnh, quy chế hoặc chỉ thị chính thức đó, hoặc việc tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào (dù có hiệu lực pháp lý hay không) của bất kỳ ngân hàng trung ương nào hoặc cơ quan tư pháp, cơ quan tiền tệ khác hoặc các cơ quan thẩm quyền khác:

If, at any time, the Factor determines that the introduction, imposition, or variation of any law, ordinance, decree, circular, decision, regulatory document, regulation, or official directive (whether or not having the force of law), or any change in the interpretation or application thereof, or compliance with any request (whether or not having the force of law) from any central bank or other judicial authority, monetary authority, or other competent authority:

- (a) làm cho việc Bên Bao Thanh Toán giải ngân bất kỳ Khoản Tiền Bao Thanh Toán nào hoặc duy trì, cấp vốn hoặc tạo hiệu lực cho các nghĩa vụ của Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này trở nên bất hợp pháp hoặc không thể thực hiện được;

makes it unlawful or impractical for the Factor to disburse any Factoring Amount or maintain, fund or give effect to its obligations hereunder;

- (b) làm tăng chi phí của Bên Bao Thanh Toán trong việc lập, cấp hoặc duy trì Khoản Tiền Bao Thanh Toán;

increases the cost to the Factor of making, issuing or maintaining the Factoring Amount;

- (c) làm giảm bất kỳ khoản tiền nào mà Bên Bao Thanh Toán được nhận hoặc phải thu liên quan đến các Khoản Tiền Bao Thanh Toán; hoặc

reduces the amount of any amount received or receivable by the Factor in respect of the Factoring Amounts;

- (d) ấn định bất kỳ thuế, đánh thuế hoặc khoản thuế nào dưới bất cứ tính chất nào (bao gồm nhưng không giới hạn thuế khấu lưu tiền lãi) áp dụng cho bất kỳ khoản tiền nào Bên Bao Thanh Toán phải thanh toán cho hoặc liên quan đến Khoản Tiền Bao Thanh Toán,

imposes any tax, levy or charge of any nature whatsoever (including, without limitation, an interest withholding tax) on any amounts payable by the Factor in respect of or in connection with the Factoring Amount,

thì Bên Bao Thanh Toán sẽ thông báo cho Bên Bán Hàng về hoàn cảnh dẫn đến quyết định như vậy và Bên Bán Hàng sẽ:

then the Factor shall notify the Seller of the circumstances leading to such determination and the Seller shall:

- (i) khi được yêu cầu, thanh toán cho Bên Bao Thanh Toán các khoản tiền do Bên Bao Thanh Toán đã cấp tại từng thời điểm và tại bất kỳ thời điểm nào thông báo cho Bên Bán Hàng mà cần thiết để bồi hoàn cho Bên Bao Thanh Toán về chi phí, khoản giảm bớt, thanh toán, khấu lưu hoặc khấu trừ thêm như vậy hoặc để làm cho Bên Bao Thanh Toán có thể tuân thủ luật pháp áp dụng; và

when required, pay to the Factor such amounts as the Factor grants from time to time and at any time notify the Seller to be necessary to indemnify the Factor for such additional cost, reduction, payment, withholding or deduction or to enable the Factor to comply with applicable law; and

- (ii) khi được yêu cầu, thanh toán trước mọi Khoản Tiền Bao Thanh Toán còn tồn đọng cùng với các khoản tiền lãi, tiền phạt, phí phát sinh và tất cả các khoản tiền khác phải trả theo Hợp Đồng này vào ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi tiếp theo và việc tiếp tục giải ngân các Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ bị tạm dừng hoặc hủy bỏ, tùy theo quyết định của Bên Bao Thanh Toán.

when required, prepay all outstanding Factoring Amounts together with accrued interest, penalties, fees, and all other amounts payable under this Agreement by the last day of the next Interest Period, and the continuation of disbursement of Factoring Amount shall be suspended or terminated, at the discretion of the Factor.

Bất kỳ quyết định hoặc thông báo nào của Bên Bao Thanh Toán về bất kỳ vấn đề nào được đề cập trong khoản này nếu không rõ ràng được chứng minh được có sai sót, lỗi từ Bên Bao Thanh Toán sẽ là bằng chứng hợp pháp liên quan đến vấn đề đó và sẽ có tính ràng buộc Bên Bán Hàng.

Any determination or notification by the Factor concerning any matter referred to in this clause will, in the absence of manifest error, or default of the Seller, be conclusive evidence as to that matter and will be binding on the Seller.

14. BỒI HOÀN

INDEMNITIES

- 14.1. Theo bất kỳ quy định của Luật Áp Dụng nào, dù do một phán quyết/bản án bất lợi cho Bên Bán Hàng hoặc do Bên Bán Hàng phá sản hoặc thanh lý hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, nếu bất kỳ khoản thanh toán nào theo hoặc liên quan đến Hợp Đồng này được thực hiện hoặc thu được bằng loại tiền tệ không phải là VND thì trong phạm vi khoản thanh toán (khi được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày thanh toán) cho Bên Bao Thanh Toán đó không đủ trả cho khoản tiền chưa được thanh toán theo Hợp Đồng này, thì Bên Bán Hàng sẽ bồi thường cho Bên Bao Thanh Toán khoản chênh lệch thiếu đó như là một nghĩa vụ riêng và độc lập. Vì mục đích của khoản này, tỷ giá hối đoái có nghĩa là tỷ giá mà vào ngày liên quan mà Bên Bao Thanh Toán có thể mua VND bằng loại tiền tệ khác đó.

If, under any Applicable Law, whether as a result of an unfavorable judgment against the Seller or the Seller's bankruptcy or liquidation or for any other reason, any payment under or in connection with this Agreement is made or is collected in a currency other than VND then, to the extent that the payment (when converted into VND at the rate of exchange on the date of payment) is insufficient to cover the outstanding amounts payable under this Agreement, the Seller shall indemnify the Factor for the shortfall as a separate and independent obligation. For the purposes of this clause, the exchange rate means the rate at which the Factor, on the relevant date, can purchase VND with such other currency.

- 14.2. Bên Bán Hàng sẽ bồi hoàn cho Bên Bao Thanh Toán, khi được yêu cầu, về việc cấp vốn, các phí tổn hoặc chi phí khác mà Bên Bao Thanh Toán đã chịu do hậu quả của việc:

When requested, the Seller shall indemnify the Factor against any funding, other costs, or expense incurred by the Factor as a consequence of:

- (a) bất kỳ Khoản Tiền Bao Thanh Toán nào chưa được thực hiện vì bất kỳ lý do nào (ngoại trừ do vi phạm của Bên Bao Thanh Toán) vào ngày được nêu trong các văn bản liên quan đến Yêu Cầu Bao Thanh Toán;

any Factoring Amount not being made for any reason (except for the Factor's default) on the date specified in the documents relating to the Factoring Request;

- (b) Bên Bao Thanh Toán nhận được bất kỳ Nợ Bao Thanh Toán, các khoản Tiền Lãi nào vào ngày không phải vào ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi; hoặc

the receipt by the Factor of any Factoring Amount and Interest on the date other than the last day of its Interest Period; or

- (c) Bên Bán Hàng vi phạm trong việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn theo Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Bao Thanh Toán.

the Seller defaults on the payment of any amount due under this Agreement and/or the Factoring Documents.

15. BẢNG CHỨNG NỢ

EVIDENCE OF DEBT

- 15.1. Các tài khoản hoặc sổ sách hoặc hệ thống máy tính được Bên Bao Thanh Toán duy trì liên quan đến Hợp Đồng này sẽ là bằng chứng chung cuộc của các khoản tiền mà Bên Bán Hàng còn nợ Bên Bao Thanh Toán, trừ trường hợp Bên Bán Hàng chứng minh được có sai sót cụ thể, rõ ràng và có bằng chứng rằng khoản tiền còn nợ đó không chính xác.

The accounts or records or computer system maintained by the Factor in connection with this Agreement shall serve as conclusive evidence of the amounts owed by the Seller to the Factor, except where the Seller can demonstrate specific, clear, and substantiated evidence of errors indicating that such amounts are incorrect.

- 15.2. Trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến Hợp Đồng này, một bảng kê về bất kỳ khoản tiền nào đến hạn mà Bên Bán Hàng phải thanh toán do Bên Bao Thanh Toán phát hành sẽ là bằng chứng về việc khoản tiền đó thật sự đến hạn và phải thanh toán, trừ trường hợp Bên Bán Hàng chứng minh được có sai sót cụ thể, rõ ràng và có bằng chứng rằng khoản tiền đó không chính xác.

In any proceedings relating to this Agreement, a statement as to any amount due by the Seller to the Factor, which, in the absence of specific, clear, and substantiated evidence provided by the Seller of inaccuracies in the stated amount, will be evidence that such amount is in fact due and payable.

16. KHÔNG CÓ HIỆU LỰC TỪNG PHẦN

PARTIAL INVALIDITY

- 16.1. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng này là hoặc trở nên bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có tính buộc thực thi trên bất kỳ phương diện nào, thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc tính bắt buộc thực thi của các quy định còn lại trong Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị làm giảm giá trị.

If, at any time, any provision hereof is or becomes illegal, invalid or unenforceable in any respect, the legality, validity or enforceability of the remaining provisions hereof shall not be affected or impaired.

- 16.2. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu Các Bên thỏa thuận thay đổi và/hoặc bổ sung các điều khoản và điều kiện của Khoản Tiền Bao Thanh Toán và/hoặc bất kỳ nội dung nào của Hợp Đồng này, thì Các Bên sẽ ký kết bản sửa đổi Hợp Đồng này nhằm mục đích đó, và bản sửa đổi đó sẽ là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.

If, at any time, the Parties agree upon certain changes and/or supplements to the terms and conditions of the Factoring Amount and/or any contents of this Agreement, the Parties shall sign an amendment to this Agreement to that effect, and the amendment shall be an integral part of this Agreement.

17. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ

GOVERNING LAW AND JURISDICTION

- 17.1. Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích phù hợp với luật pháp Việt Nam.

This Agreement shall be governed by and construed under the laws of Vietnam.

- 17.2. Bất kỳ tranh chấp nào mà Các Bên không tự giải quyết được (kể cả mâu thuẫn về mặt ngôn ngữ), hành động hoặc thủ tục tố tụng pháp lý nào liên quan đến hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này hoặc liên quan đến việc diễn giải Hợp Đồng này sẽ được tiến hành tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam. Không có quy định nào trong Hợp Đồng này ảnh hưởng đến quyền của Bên Bao Thanh Toán trong việc đưa đơn khởi kiện dưới bất kỳ cách thức nào khác được luật pháp cho phép hoặc tiến hành thủ tục tố tụng pháp lý hoặc tiến hành bằng cách khác để buộc thực thi Hợp Đồng này tại bất kỳ cơ quan xét xử nào khác.

Any dispute that cannot be resolved amicably by the Parties (including disagreements regarding language interpretation), any legal actions or proceedings related to or arising from the performance of this Agreement, or any interpretation of this Agreement shall be submitted to the competent People's Court of Vietnam. Nothing herein shall affect the right of the Factor to initiate claims in any other manner permitted by law or to commence legal proceedings or otherwise proceed to enforce this Agreement in any other court of jurisdiction.

- 17.3. Trong trường hợp bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được áp dụng đối với Hợp Đồng này được tiến hành ở nước ngoài, Bên Bao Thanh Toán có quyền nộp đơn khởi kiện lên bất kỳ tòa án nào có thẩm quyền xét xử tại Việt Nam hoặc cơ quan xét xử ở nước ngoài để buộc thực thi biện pháp bảo đảm đó.

In the event that any security interests related to this Agreement is enforced abroad, the Factor shall have the right to file a lawsuit with any competent court in Vietnam or a foreign tribunal to enforce such security interests.

- 17.4. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền hoặc cơ quan xét xử ở nước ngoài có hiệu lực bắt buộc Các Bên phải thi hành. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí, kể cả án phí và phí luật sư liên quan đến tranh chấp.

The judgment of the competent People's Court or a foreign tribunal shall be binding and enforceable against the Parties. The losing Party shall bear all costs, including court fees and attorney's fees, related to the dispute.

18. CHUYỂN NHƯỢNG**ASSIGNMENT**

- 18.1. Hợp Đồng này có tính ràng buộc (những) bên thế vị, bên được chuyển nhượng, người đại diện theo pháp luật, bên nhận ủy thác, bên quản lý, bên tồn tại sau tái cấu trúc hoặc thay đổi cơ cấu và bên thanh lý tương ứng của các Bên Có Nghĩa Vụ.

This Agreement shall be binding upon the successor(s), the transferee(s), legal representative(s), the trustee(s), administrator(s), surviving entity(es) after restructuring or reorganization, and liquidators, as applicable, of the Obligated Parties.

- 18.2. Bên Bán Hàng không được chuyển nhượng Hợp Đồng này nếu không được Bên Bao Thanh Toán chấp thuận trước bằng văn bản.

The Seller shall not transfer this Agreement without the prior written consent from the Factor.

- 18.3. Bên Bao Thanh Toán có quyền chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ quyền nào của mình đối với Khoản Tiền Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này cùng với các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác sau khi đưa ra thông báo trước bảy (07) ngày cho Bên Bán Hàng.

The Factor has the right to transfer all or any of its rights with respect to the Factoring Amount under this Agreement, along with its rights and obligations under this Agreement and the Security Agreement, to any third party upon giving prior notice of seven (07) days to the Seller.

19. THÔNG BÁO**NOTICE**

- (a) Mọi thông tin liên lạc theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán (trừ Thông Báo Bao Thanh Toán) phải được thực hiện bằng văn bản, trừ khi được quy định khác, được thực hiện bằng gửi thư cho người nhận tại địa chỉ được ghi cùng với tên người nhận như trên, và sẽ được xem là đã được thực hiện hoặc đã giao nếu giấy báo xác nhận thư đã được gửi đến địa chỉ trên. Bên Bao Thanh Toán hoặc Bên Bán có thể gửi Thông Báo Bao Thanh Toán cho (Các) Bên Mua Hàng bằng thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử quy định tại Thư Chấp Thuận.

All communications under this Agreement and the Factoring Documents (except for Factoring Notice(s)) must be made in writing, unless otherwise specified, by sending a letter to the recipient at the address stated along with the recipient's name as above, and shall be deemed to have been made or delivered if the confirmation notice of the letter has been sent to the aforementioned address. The Factor or the Seller may deliver the Factoring Notices to the Buyer(s) using their email addresses as specified in the Consent Letter.

- (b) Trong trường hợp Bên Bao Thanh Toán thay đổi Hạn Mức Bao Thanh Toán theo quy định tại Điều 2.1(iii), sự thay đổi đó sẽ có hiệu lực kể từ khi Bên Bao Thanh Toán gửi thông báo về việc thay đổi Hạn Mức Bao Thanh Toán cho Bên Bán Hàng hoặc người liên hệ được chỉ định của Bên Bán Hàng bằng một trong các hình thức gồm fax, điện tín, thư bưu điện, phương thức truyền thông điện tử (sử dụng thông tin liên lạc công bố trên trang web của Bên Bán Hàng) hoặc bất kỳ phương thức liên lạc nào khác mà Bên Bao Thanh Toán cho là phù hợp.

In the event that the Factor makes any change to the Factoring Limit pursuant to Clause 2.1(iii), such change will come into effect on the date when the Factor serves a notice on the adjustment to the Factoring Limit to the Seller or the Seller's designated contact person by facsimile, telegraph, postal mail (using contact information published on the Seller's website) or other electronic transmission that the Factor see fit.

20. CHI PHÍ**EXPENSES**

Mọi phí tổn và chi phí (kể cả phí tư vấn pháp lý) mà Bên Bao Thanh Toán có thể phải chịu liên quan đến việc gia hạn hoặc buộc thực thi Hợp Đồng này và bất kỳ vấn đề liên quan nào phát sinh sẽ được Bên Bán Hàng hoàn lại khi được yêu cầu.

Any costs and expenses (including legal advisory fees) that the Factor may incur in relation to the extension or enforcement of this Agreement and any related issues that arise shall be reimbursed by the Seller upon request.

21. THAY ĐỔI LUẬT**CHANGES IN LAW**

Các điều khoản sau đây, dù không được áp dụng vào ngày ghi trên (i) Hợp Đồng này và/hoặc (ii) các Tài Liệu Bao Thanh Toán và/hoặc (iii) các phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Bao Thanh Toán, sẽ được áp dụng trong trường hợp có thay đổi về quy định của pháp luật hoặc thay đổi khác trong tương lai.

The following provisions, although not applicable on the date stated in (i) this Agreement and/or (ii) the Factoring Documents and/or (iii) the amendments or supplements to this Agreement and/or the Factoring Documents, shall apply in the event of changes in legal regulations or other changes in the future.

21.1. Thuế

Taxes

Bất kỳ thuế hoặc lệ phí chứng từ, trước bạ, đăng ký có bản chất là một khoản thuế mà có thể phải nộp hoặc được áp dụng trong tương lai đối với Hợp Đồng này và bất kỳ (các) khoản thuế nào khác được ấn định cho Khoản Tiền Bao Thanh Toán kể cả các khoản thuế mà Bên Bao Thanh Toán có thể phải nộp cho việc lập hoặc duy trì Khoản Tiền Bao Thanh Toán sẽ do Bên Bán Hàng thanh toán hoặc hoàn trả cho Bên Bao Thanh Toán nếu Bên Bao Thanh Toán ứng trước cho Bên Bán Hàng.

Any taxes or fees related to documentary fees, registration fees which are naturally taxes that may be paid or applied in the future on this Agreement, and any other taxes imposed on the Factoring Amount, including taxes that the Factor may be required to pay for the establishment or maintenance of the Factoring Amount, shall be paid or reimbursed by the Seller to the Factor if the Factor advances such payments on behalf of the Seller.

21.2. Chấp Thuận Của Cơ Quan Nhà Nước

Approval of Governmental Authority

Trong trường hợp luật pháp yêu cầu hoặc theo ý kiến hợp lý của Bên Bao Thanh Toán thấy cần thiết rằng Bên Bán Hàng cần phải xin bất kỳ ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán bằng ngoại tệ), thì Bên Bán Hàng phải nhanh chóng xin ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép đó và ký mọi tài liệu, thỏa thuận, thông báo, đơn xin hoặc các giấy tờ cần thiết khác dưới bất kỳ bản chất nào mà có thể được yêu cầu hoặc cần thiết liên quan đến ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép nói trên.

In the event that required by laws or, in the reasonable opinion of the Factor, it is necessary for the Seller to obtain any authorization, approval, consent, or permit from a competent Governmental Authority to perform its obligations under this Agreement (including but not limited to foreign currency payments), the Seller shall promptly apply for such authorization, approval, consent, or permit and sign any documents, agreements, notices, applications, or other necessary papers of any nature that may be required or necessary concerning the mentioned authorization, approval, consent, or permit above.

21.3. Trong trường hợp pháp luật có thay đổi, Các Bên sẽ cập nhật và điều chỉnh Hợp Đồng này theo hình thức do Bên Bao Thanh Toán quyết định phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Thỏa thuận cập nhật đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

In the event of changes in the laws, the Parties will update and amend this Agreement in a manner determined by the Factor to comply with the regulations of Vietnamese law. Such updated agreement will form an inseparable part of this Agreement.

22. **KHÔNG KHUỖC TỪ CÁC QUYỀN**

NO WAIVER OF RIGHTS

Các quyền của Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này hình thành các quyền riêng và độc lập ngoài các quyền khác mà Bên Bao Thanh Toán có thể có đối với Bên Bán Hàng theo các hợp đồng khác. Bên Bao Thanh Toán được tự do thực thi bất kỳ quyền nào mà Bên Bao Thanh Toán có thể chọn lựa để áp dụng cho Bên Bán Hàng.

The rights of the Factor under this Agreement constitute separate and independent rights, in addition to other rights that the Factor may have against the Seller under other agreements. The Factor is free to exercise any rights the Factor may choose to apply to the Seller.

23. **HIỆU LỰC VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

EFFECTIVE AND EXECUTION OF THE AGREEMENT

23.1. Bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này có liên quan đến các nghiệp vụ cấp tín dụng mà Bên Bao Thanh Toán không cung cấp cho Bên Bán Hàng sẽ không áp dụng đối với Bên Bán Hàng.

Any provision in this Agreement relating to credit transactions that the Factor does not provide to the Seller shall not apply to the Seller.

- 23.2. Trong trường hợp Các Bên có ký kết các hợp đồng đặc thù khác cho từng nghiệp vụ cấp tín dụng thì các điều khoản của hợp đồng đặc thù đó, nếu có mâu thuẫn hay khác biệt với Hợp Đồng này, sẽ được ưu tiên áp dụng so với các điều khoản của Hợp Đồng này.

In the event that the Parties enter into other specific agreements for each credit transaction, the terms of such specific agreements, if they conflict with or differ from the terms of this Agreement, shall take precedence over the terms of this Agreement.

- 23.3. Các mẫu tài liệu chuẩn của Bên Bao Thanh Toán như được điều chỉnh tại từng thời điểm và được đề cập tại Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Bao Thanh Toán và/hoặc thỏa thuận thương mại chung và/hoặc các phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này được ký kết giữa Bên Bao Thanh Toán và Bên Bán Hàng (gọi chung là “**Các Hợp Đồng**”) cùng tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh không thể tách rời.

*The standard forms of documents of the Factor as amended from time to time and referenced in this Agreement and/or the Factoring Documents and/or the general commercial agreement and/or the annexes, amendments, and supplements to this Agreement signed between the Factor and the Seller (collectively referred to as the “**Agreements**”), together form a complete and inseparable set of agreements.*

- 23.4. Các Hợp Đồng phải do những người ký tên được ủy quyền hợp lệ của Bên Bán Hàng ký và nộp cho Bên Bao Thanh Toán. Bên Bán Hàng bảo đảm rằng những người ký tên vào Các Hợp Đồng được Bên Bán Hàng ủy quyền hợp lệ để ký và ràng buộc Bên Bán Hàng.

The Agreement must be signed and submitted to the Factor by the duly authorized signatories of the Seller. The Seller warrants that the signatories of these Agreements are fully authorized to sign and bind the Seller.

- 23.5. Bên Bao Thanh Toán có quyền không thực hiện bất kỳ giải ngân nào hoặc không phát hành bất kỳ thư tín dụng nào hoặc không cấp bảo lãnh hoặc không thực hiện các hình thức cấp tín dụng khác liên quan đến bất kỳ hợp đồng nào trong các hợp đồng mà theo quan điểm của Bên Bao Thanh Toán là không được ký hợp lệ hoặc không phù hợp. Bên Bán Hàng đồng ý rằng mỗi hợp đồng trong các hợp đồng (kể cả thỏa thuận thương mại chung của Bên Bao Thanh Toán) được Bên Bán Hàng ghi đầy đủ và ký hợp lệ, cùng với Hợp Đồng này sẽ hình thành chung một Hợp Đồng giữa Bên Bán Hàng và Bên Bao Thanh Toán. Trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp Đồng này và thỏa thuận thương mại chung đối với cùng một vấn đề được điều chỉnh thì nội dung Hợp Đồng này được ưu tiên áp dụng trong phạm vi sự mâu thuẫn đó.

The Factor reserves the right to refuse to disburse any funds, issue any letters of credit, provide any guarantees, or engage in any other forms of credit issuance related to any agreement that, in the Factor's opinion, has not been properly signed or is not suitable. The Seller agrees that each agreement (including the Factor's general commercial agreements) entered into by the Seller, when fully completed and duly signed, along with this Agreement, will collectively constitute a single Agreement between the Seller and the Factor. In the event of a conflict between this Agreement and the general commercial agreement concerning the same matter, the provisions of this Agreement shall prevail to the extent of such conflict.

- 23.6. Hợp Đồng này có hiệu lực vào Ngày Hiệu Lực và chấm dứt khi Bên Bán Hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ thanh toán đối với Bên Bao Thanh Toán quy định tại Hợp Đồng này.

This Agreement is effective on the Effective Date and terminates when the Seller has fulfilled all payment obligations to the Factor as set forth in this Agreement.

- 23.7. Hợp Đồng này được lập thành hai (2) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên Bao Thanh Toán và Bên Bán Hàng mỗi bên giữ một (1) bản.

This Agreement is executed in two (2) copies, each of which has the same legal validity, with one (1) copy held by the Factor and one (1) copy held by the Seller.

23.8. Trong trường hợp Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán kèm theo Hợp Đồng này được lập song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt hoặc được dịch ra tiếng Anh; trong trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt thì nội dung tiếng Việt có giá trị áp dụng và là căn cứ pháp lý để giải quyết các quyền và nghĩa vụ của Bên Bán Hàng và Bên Bao Thanh Toán theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Bao Thanh Toán.

In the event that this Agreement and the Factoring Documents attached to this Agreement are executed bilingually in both English and Vietnamese or translated into English; in case of any discrepancy between the English and Vietnamese versions, the Vietnamese version shall prevail and be the legal basis for resolving the rights and obligations of the Seller and the Factor under this Agreement and the Factoring Documents.

Để làm chứng, Hợp Đồng này đã được Bên Bao Thanh Toán và Bên Bán Hàng tham gia vào Hợp Đồng này ký vào ngày được ghi đầu tiên ở trên.

In witness thereof, this Agreement has been executed by the Factor and the Seller hereto on the date first above written.

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO
SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF
NGÂN HÀNG SINOPAC - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BANK SINOPAC - HO CHI MINH CITY BRANCH

Ông/Bà/Mr./Ms _____

Tổng Giám Đốc

General Director

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO
SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF

[TÊN CÔNG TY]

[COMPANY NAME]

Ông/Bà/Mr./Ms. _____

Chức vụ: _____

Title: _____

PHỤ LỤC I

APPENDIX I

Mẫu Yêu Cầu Bao Thanh Toán

Factoring Request Form

[Điền sau]

[Insert later]

PHỤ LỤC II

APPENDIX II

Mẫu Thông Báo Bao Thanh Toán

Factoring Notice Form

THÔNG BÁO BAO THANH TOÁN

FACTORING NOTICE

Số/No.:

Ngày: _____

Date: _____

Đến : [***] (“Bên Mua Hàng”)
To : [***] (“Buyer”)
Địa chỉ : [***]
Address : [***]
Người nhận : [***]
Recipient : [***]

V/v: Hợp đồng bao thanh toán.

Re: Factoring agreement.

Thưa Ông/Bà,

Dear Mr./Ms.,

Thay mặt [***], một công ty được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp Việt Nam, có mã số doanh nghiệp số: [***], có trụ sở tại [***] (“Bên Bán Hàng”), bằng văn bản này, Bên Bán Hàng xin được thông báo đến Bên Mua Hàng các nội dung sau (“Thông Báo”):

On behalf of [***], a company duly incorporated and existing under the laws of Vietnam, with enterprise code No.: [***], having its head office located at [***] (the “Seller”), we would like to notify the Buyer of the following.

- Vào ngày [***], NGÂN HÀNG SINOPAC – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, một chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp phép và hoạt động hợp lệ theo luật pháp Việt Nam theo Giấy Phép Thành Lập Chi Nhánh Ngân Hàng Nước Ngoài do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp số _____ ngày _____ và các giấy phép điều chỉnh sau này (nếu có) (“Bên Bao Thanh Toán”) và Bên Bán Hàng đã ký kết hợp đồng bao thanh toán bên bán hàng có cam kết hoàn trả số [***] (“Hợp Đồng Bao Thanh Toán”).

On [***], BANK SINOPAC – HO CHI MINH CITY BRANCH, a foreign bank branch duly licensed and operating under the laws of Vietnam under License for Establishment of a Foreign Bank Branch issued by the State Bank of Vietnam No. _____ on _____ and subsequent amendment (if any) (the “Factor”) and the Seller entered into the recourse seller factoring agreement No. [***] dated [***] (the “Factoring Agreement”).

2. Vào ngày [***], chúng tôi đã xác nhận đồng ý với các điều khoản tại Thư Chấp Thuận số [***] ngày [***] của Bên Bao Thanh Toán ("**Thư Chấp Thuận**"), theo đó Bên Bao Thanh Toán đã đồng ý bao thanh toán đối với toàn bộ các hợp đồng cung cấp hàng hóa và/hoặc dịch vụ đã và/hoặc sẽ ký kết giữa Bên Mua Hàng và Bên Bán Hàng ("**Các Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán**") phụ thuộc vào các điều khoản quy định tại Hợp Đồng Bao Thanh Toán và Thư Chấp Thuận.
*On [***], we have acknowledged our agreement to the terms set out in the Consent Letter no. [***] dated [***] of the Factor ("**Consent Letter**") pursuant to which, the Factor has agreed to provide the factoring services in connection with the contracts on sale and purchase of goods and/or services which have been and/or will be entered into by the Buyer and the Seller (the "**Factored Agreements**").*
3. Căn cứ vào các điều khoản của Hợp Đồng Bao Thanh Toán, Bên Bán Hàng đã đồng ý chuyển nhượng toàn bộ các khoản phải thu, các quyền lợi có liên quan đến các khoản phải thu này theo Hợp Đồng Bao Thanh Toán ("**Khoản Phải Thu**") cho Bên Bao Thanh Toán ("**Chuyển Nhượng Khoản Phải Thu**").
*Pursuant to the provisions of the Factoring Agreement, the Seller has agreed to assign all receivables and other rights and interests associated with such receivables arising from the Factored Agreements ("**Receivables**") to the Factor ("**Receivables Assignment**").*
4. Không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Thông Báo này, Bên Bán Hàng có thể sẽ gửi thông báo đến Bên Mua Hàng về việc Chuyển Nhượng Khoản Phải Thu cụ thể bằng hình thức thông báo trên một trong các chứng từ liên quan đến việc yêu cầu thanh toán Khoản Phải Thu của Bên Bán Hàng đối với Bên Mua Hàng, các giấy tờ liên quan đến việc giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, và các giấy tờ liên quan khác theo quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán bao gồm nhưng không giới hạn các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu mua hàng, phiếu yêu cầu thanh toán, giấy xác nhận công nợ, biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu và bảng kê các giấy tờ này ("**Chứng Từ Thanh Toán Khoản Phải Thu**").
*Without prejudice to the effect of this Notice, the Seller may notify the Buyer of the Receivables Assignment by incorporating such assignment provision into any documents related to the Seller's request to the Buyer for payment of the Receivables, documents related to the delivery of goods, provision of services, and other related documents as stipulated in the Factored Agreement(s), including but not limited to value-added tax invoices, purchase orders, payment requests, debt confirmation letters, delivery notes, acceptance minutes, and lists of these documents ("**Receivables Payment Documents**").*
5. Bất kỳ Chuyển Nhượng Khoản Phải Thu được thông báo đến Bên Mua Hàng theo Thông Báo này hoặc Chứng Từ Thanh Toán Khoản Phải Thu sẽ có hiệu lực ngay lập tức và có giá trị ràng buộc pháp lý đối với Bên Bán Hàng, Bên Mua Hàng và Bên Bao Thanh Toán trên mọi khía cạnh.
Any Receivables Assignment notified to the Buyer whether under this Notice or any Receivables Payment Documents shall have immediate effect and legally binding effect upon the Seller, the Buyer and the Factor in all respects.
6. Có hiệu lực kể từ ngày của Thông Báo này và cho đến khi Bên Bao Thanh Toán gửi thông báo đến Bên Mua Hàng xác nhận rằng Hợp Đồng Bao Thanh Toán đã được chấm dứt và không còn khoản nợ chưa được thanh toán bởi Bên Bán Hàng cho Bên Bao Thanh Toán,
With effect on the date of this Notice and until the Factor notifies the Buyer to confirm that the Factoring Agreement has been terminated and there are not outstanding amounts owed by the Seller to the Factor,
- 6.1 Bên Mua Hàng sẽ thông báo cho Bên Bao Thanh Toán biết, trong thời gian sớm nhất có thể, khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

The Buyer shall notify the Factor, as soon as possible, when occurring any of the following events:

- (a) các sự kiện hoặc tình huống xảy ra mà có thể có khả năng, một cách hợp lý, gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hiệu lực hoặc khả năng thực thi của Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán;
any event or circumstance occurring, which may, in a reasonable manner, cause a material adverse effect on the validity or enforceability of the Factored Agreement(s);
- (b) các vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán của Bên Bán Hàng có khả năng ảnh hưởng đến việc thanh toán Khoản Phải Thu theo quy định tại Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán;
any breach of obligations under Factored Agreement(s) of the Seller that could potentially impact the payment of the Receivables as set out in the Factored Agreement(s);
- (c) Bên Mua Hàng nhận được yêu cầu thanh toán Khoản Phải Thu nào từ Bên Bán Hàng hoặc bên thứ ba có liên quan mà người thụ hưởng không phải là Bên Bao Thanh Toán;
the Buyer received any request for the payment of Receivables from the Seller or any related third parties whose beneficiary is not the Factor;
- (d) các sự kiện khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc thanh toán Khoản Phải Thu theo quy định tại (các) Hợp Đồng Được Bao Thanh Toán khi đến thời hạn thanh toán khoản phải thu (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện bất khả kháng).
other events that may adversely affect the payment of the Receivables as set forth in the Factored Agreement(s) until the due date(s) of the Receivables (including but not limitation to force majeure events).

- 6.2 Bên Bán Hàng sẽ thanh toán toàn bộ Khoản Phải Thu cho Bên Bán Hàng vào tài khoản sau ("**Tài Khoản Thanh Toán**"). Tài Khoản Thanh Toán không được thay đổi nếu không có sự đồng ý bằng văn bản từ Bên Bao Thanh Toán:

*The Buyer shall settle the payment of all the Receivables to the Seller using the following account ("**Collection Account**"). The Collection Account shall not be changed without written consent from the Factor:*

Tên tài khoản: [***]

Account name: [***]

Ngân hàng: Ngân Hàng Sinopac – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Bank: Bank Sinopac – Ho Chi Minh City Branch

Số tài khoản: [***]

Account number: [***]

7. Để làm rõ, Bên Bao Thanh Toán có các quyền đối với Tài Khoản Thanh Toán theo quy định của Hợp Đồng Bao Thanh Toán.

For the avoidance of doubt, the Factor has the rights in connection with the Collection Account as provided in the Factoring Agreement.

8. Bên Mua Hàng sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên Bán Hàng và Bên Bao Thanh Toán nếu có bất kỳ sự thay đổi về địa chỉ nhận các thông báo và/hoặc Chứng Từ Thanh Toán Khoản Phải Thu.
The Buyer shall promptly notify the Seller and the Factor of any change in the addresses for delivery of any notices and/or Receivables Payment Documents.
9. Thông Báo này được lập thành ba (03) bản gốc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. Một (01) bản gốc sẽ do Bên Bán Hàng giữ, hai (02) bản gốc sẽ được Bên Bán Hàng gửi đến Bên Bao Thanh Toán. Bên Bao Thanh Toán sẽ gửi một (01) bản gốc cho Bên Mua Hàng.
This Notice shall be made in three (03) English and Vietnamese bilingual originals. In case of any discrepancies between the English and Vietnamese versions, the Vietnamese version shall prevail. The Seller shall retain one (01) original, two (02) originals shall be delivered to Factor by the Seller. The Factor shall deliver one (1) original to the Buyer.

Trân trọng,

Sincerely,

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO BÊN BÁN HÀNG

FOR AND ON BEHALF OF THE SELLER

CÔNG TY [*]**

[*]**

Tên:

Name:

Chức vụ:

Title:

PHỤ LỤC III**APPENDIX III****Mẫu Thư Chấp Thuận****Consent Letter**

Thành phố Hồ Chí Minh, [ngày]

Ho Chi Minh City, [date]

Đến: [điền chi tiết Bên Bán Hàng] (“Khách Hàng” hoặc “Bên Bán Hàng”)

To: [insert details of the Seller] (“You” or “Seller”)

V/v: **Hợp Đồng Bao Thanh Toán Bên Bán Hàng Có Cam Kết Hoàn Trả Số [điền]**

Re: Full Recourse Seller Factoring Agreement No. [insert]

Chúng tôi dẫn chiếu đến Hợp Đồng Bao Thanh Toán Bên Bán Hàng Có Cam Kết Hoàn Trả Số đề ngày [điền] giữa NGÂN HÀNG SINOPAC - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (với tư cách là Bên Bao Thanh Toán) và khách hàng (với tư cách là Bên Bán Hàng) (“**Hợp Đồng**”). Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Mẫu Thư Chấp Thuận này sẽ có ý nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng.

We refer to the Full Recourse Seller Factoring Agreement No. dated [insert] between BANK SINOPAC – HO CHI MINH CITY BRANCH (as Factor) and you (as Seller) (the “Agreement”). Unless the context otherwise requires, each capitalised term used in this Consent Letter shall have the meaning as given to that term in the Agreement.

Mẫu Thư Chấp Thuận này được Bên Bao Thanh Toán ban hành theo các điều khoản của Hợp Đồng.

This Consent Letter is issued by the Factor pursuant to the terms of the Agreement.

Bên Bao Thanh Toán chấp thuận Các Bên Mua Hàng sau đây cho mục đích cung cấp Bao Thanh Toán đối với Bên Bán Hàng. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các điều khoản của Hợp Đồng và Mẫu Thư Chấp Thuận này, các điều khoản trong Mẫu Thư Chấp Thuận này sẽ được ưu tiên áp dụng. Bên Bao Thanh Toán có toàn quyền xem xét, sửa đổi hoặc hủy bỏ Mẫu Thư Chấp Thuận này theo các điều khoản của Tài Liệu Bao Thanh Toán và Luật Áp Dụng.

The following Buyers are hereby approved by the Factor for the purposes of providing the Factoring to the Seller. In case of any inconsistency between the provisions of the Agreement and this Consent Letter, the provisions of this Consent Letter shall prevail. The Factor will have it sole discretion to review, amend or cancel this Consent Letter according to the terms of the Factoring Documents and Applicable Law.

STT No.	Mã Số Doanh Nghiệp Enterprise Codes	Địa Chỉ Addresses	Thông Tin Liên Hệ Contact	Hạn Mức Bao Thanh Toán Factoring Limit	Tỷ Lệ Giải Ngân Disbursement	Lãi Suất Interest Rate	Phí Bao Thanh Toán	Thời Hạn Hạn Mức Limit Expiry Date	Ghi Chú Notes
------------	---	----------------------	---------------------------------	---	---------------------------------	---------------------------	-----------------------	---------------------------------------	------------------

			<i>Details¹</i>		<i>Ratio²</i>		<i>Factoring Fees³</i>		
1	[TÊN BÊN MUA HÀNG 1] [INSERT NAME OF BUYER 1]								
2	[TÊN BÊN MUA HÀNG 2] [INSERT NAME OF BUYER 2]								

¹ This is the email address of the Buyer to which the Factoring Notice shall be delivered.

² The Factoring Amount shall not exceed a fixed percentage of the invoiced amounts.

³ Factoring Fees shall be determined on the basis of a fixed percentage of the invoiced amounts.

Thay mặt và đại diện

For and on behalf of

NGÂN HÀNG SINOPAC - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BANK SINOPAC-HO CHI MINH CITY BRANCH

Người Được Ủy Quyền Ký

Authorised Signatory

[Tên/Name]

[Chức Vụ/Title]

XÁC NHẬN CỦA BÊN BÁN HÀNG

ACKNOWLEDGEMENT BY THE SELLER

Chúng tôi theo đây đồng ý với các điều khoản của Mẫu Thư Chấp Thuận đề ngày [điền]. Chúng tôi hiểu rằng Mẫu Thư Chấp Thuận này sẽ cấu thành một Tài Liệu Bao Thanh Toán và có giá trị pháp lý ràng buộc đối với chúng tôi trên mọi phương diện.

We hereby accept the terms of the Consent Letter dated [insert]. We understand that this Consent Letter shall constitute a Factoring Document and shall be legally binding on us in all respects.

Thay mặt và đại diện

For and on behalf of

[ĐIỀN TÊN CỦA BÊN BÁN HÀNG]

[INSERT THE SELLER'S NAME]

Giám Đốc/Người Được Ủy Quyền Ký

Director/Authorised Signatory

[Tên/Name]

[Chức Vụ/Title]

Ngày:

Date: